

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Thị Huyền Trang
Giảng viên hướng dẫn: CN.GVC Nguyễn Văn Vĩnh

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO
CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH SƠN CƯỜNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Hoàng Thị Huyền Trang
Giảng viên hướng dẫn: CN.GVC Nguyễn Văn Vĩnh**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : **Hoàng Thị Huyền Trang**

Mã SV: **121254**

Lớp : **QT1201K**

Ngành: **Kế toán Kiểm toán**

Tên đề tài: **Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh
doanh tại công ty TNHH Sơn Cường**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty
TNHH Sơn Cường***

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Lý luận chung về tổ chức lập và phân tích Báo cáo tài chính
- Thực tế tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường
- Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các số liệu của Công ty năm 2009, 2010, 2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty TNHH Sơn Cường

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1.....	3
LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	3
1.1 Khái quát chung về hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.....	3
1.1.1 Sự cần thiết của báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế.....	3
1.1.2 Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính.....	5
1.1.3 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính.....	6
1.1.4 Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.....	10
1.1.4.1 Hệ thống BCTC doanh nghiệp.....	10
1.1.4.2 Trách nhiệm lập Báo cáo tài chính.....	10
1.1.4.3. Kỳ lập Báo cáo tài chính	11
1.1.4.4. Thời hạn nộp Báo cáo tài chính	11
1.1.4.5. Nơi nộp Báo cáo tài chính.....	12
1.1.4.6. Công khai báo cáo tài chính.....	12
1.2 Báo cáo kết quả kinh doanh và phương pháp lập báo cáo kết quả kinh doanh.....	13
1.2.1 Khái niệm, vai trò của báo cáo kết quả kinh doanh	13
1.2.2 Công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả kinh doanh và cơ sở số liệu lập Báo cáo kết quả kinh doanh.....	14
1.2.3 Nội dung và Phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	15
1.3 Phân tích tài chính doanh nghiệp thông qua báo cáo kết quả kinh doanh.....	19
1.3.1 Sự cần thiết của phân tích tài chính doanh nghiệp.....	19
1.3.2 Phương pháp phân tích báo cáo kết quả kinh doanh.....	21
1.3.3 Nội dung phân tích báo cáo kết quả kinh doanh	22
CHƯƠNG 2.....	30
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SƠN CƯỜNG.....	30
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Sơn Cường.....	30
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	30
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sơn Cường	31
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sơn Cường.....	31

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty
TNHH Sơn Cường***

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường.	32
2.1.4.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường. ...	32
2.1.4.2 Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty.	33
2.2 Thực trạng tổ chức lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường.	35
2.2.1 Cơ sở số liệu lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường.	35
2.2.2 Trình tự lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường.	35
2.2.2.1. Kiểm soát chứng từ cập nhật.	36
2.2.2.2. Kiểm kê tài sản và xử lý kiểm kê.	37
2.2.2.3. Khóa sổ kế toán và lập bảng cân đối phát sinh sau kiểm kê.	37
2.3 Thực trạng tổ chức phân tích tài chính của công ty TNHH Sơn Cường thông qua báo cáo kết quả kinh doanh.	54
CHƯƠNG 3.	55
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SƠN CƯỜNG.	55
3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường.	55
3.1.1 Kết quả đạt được.	55
3.1.1.1 Về tổ chức công tác kế toán.	55
3.1.1.2 Về tổ chức lập báo cáo kết quả kinh doanh.	56
3.1.2 Những mặt còn hạn chế.	56
3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường.	57
3.2.1 Giải pháp ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán tại công ty.	57
3.2.2 Giải pháp xây dựng quy trình phân tích.	57
3.2.3 Thực hiện các nội dung phân tích.	59
3.3 Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.	76
KẾT LUẬN.	81
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.	82

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập hóa, toàn cầu hóa với nền kinh tế thế giới. Điều đó đã thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước phát triển không ngừng và mở rộng sản xuất kinh doanh trong điều kiện thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt. Trước bối cảnh đó, các nhà quản trị cần trang bị cho mình những kiến thức về phân tích hoạt động kinh doanh, nhằm biết cách đánh giá các nhân tố tác động thuận lợi và không thuận lợi, từ đó đề xuất các giải pháp phát triển các nhân tố tích cực, hạn chế và loại bỏ các nhân tố ảnh hưởng xấu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp mình.

Để có thể đánh giá được hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các nhà quản trị thường phải sử dụng kết hợp nhiều nguồn thông tin khác nhau trong đó thông tin từ phân tích Báo cáo tài chính là nguồn thông tin quan trọng và hiệu quả.

Xuất phát từ nhu cầu quản lý kinh tế ngày càng chặt chẽ, các doanh nghiệp đã có sự quan tâm thích đáng đến công tác phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp mình thông qua Báo cáo tài chính. Qua phân tích Báo cáo tài chính họ có căn cứ để đánh giá tốt hơn tình hình sử dụng vốn cũng như thực trạng xu hướng hoạt động của doanh nghiệp, xác định được các nhân tố ảnh hưởng, mức độ cũng như xu hướng tác động của từng nhân tố đến kết quả kinh doanh, từ đó, các đối tượng quan tâm có thể ra quyết định tối ưu nhất.

Báo cáo tài chính là báo cáo phản ánh tổng hợp tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình dòng tiền trong kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, có thể nói Báo cáo tài chính là bức tranh toàn cảnh về tình hình tài chính của doanh nghiệp và là công cụ hữu ích để phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từ đó các chủ thể có thể có quyết định cần thiết về quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Công ty TNHH Sơn Cường hoạt động trong nền kinh tế thị trường, muốn kiểm soát quá trình hoạt động kinh doanh công ty phải chú trọng đến tổ chức lập và phân tích Báo cáo tài chính. Xuất phát từ thực trạng trên, cùng với sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo hướng dẫn **CN.GVC Nguyễn Văn Vĩnh** và các cô chú trong phòng kế toán tài chính của công ty, em đã mạnh dạn nghiên cứu tìm hiểu và

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty
TNHH Sơn Cường***

chọn đề tài “**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường**” làm đề tài tốt nghiệp của mình.

Nội dung khóa luận của em ngoài lời mở đầu và kết luận, gồm có 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực tế tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường.

Chương 3: Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sơn Cường.

Do thời gian và do kinh nghiệm còn hạn chế nên khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 Khái quát chung về hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

1.1.1 Sự cần thiết của báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế.

- **Khái niệm báo cáo tài chính (BCTC)**

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

BCTC là những báo cáo kế toán tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu, công nợ cũng như tình hình chi phí, kết quả kinh doanh và các thông tin tổng quát khác về doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Nói cách khác, BCTC là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho những người quan tâm (chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà cho vay, các cơ quan chức năng...)

BCTC là hệ thống báo cáo được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành phản ánh các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu của đơn vị. Theo đó, BCTC chứa đựng những thông tin tổng hợp nhất về tình hình tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu và công nợ cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Nói cách khác, BCTC là phương tiện trình bày thực trạng tài chính và khả năng sinh lời của doanh nghiệp cho những người quan tâm (chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà cho vay...)

BCTC là bắt buộc đối với các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, được nhà nước quy định thống nhất về danh mục các báo cáo, biểu mẫu và hệ thống các chỉ tiêu, phương pháp lập, nơi gửi báo cáo và thời gian gửi báo cáo.

- **Sự cần thiết của BCTC trong công tác quản lý kinh tế.**

Vai trò của BCTC là cung cấp thông tin cho các đối tượng cần quan tâm. Các BCTC được lập có mối quan hệ tương hỗ với nhau. Các bộ phận cấu thành của báo cáo phản ánh theo các khía cạnh khác nhau của cùng một số chỉ tiêu, sự kiện kinh tế. Mỗi BCTC riêng biệt cung cấp cho người đọc một khía cạnh hữu ích khác nhau nhưng không có loại báo cáo nào chỉ phục vụ cho một mục đích riêng biệt hoặc cung cấp mọi thông tin cần thiết để có thể đáp ứng mọi yêu cầu sử dụng. Khi xem xét, tìm kiếm thông tin đòi hỏi phải có sự kết hợp giữa các BCTC. Đó chính là mối liên hệ hệ thống của các BCTC.

Trong giai đoạn hiện nay, hệ thống BCTC được lập nhằm giúp những người ra quyết định đánh giá chính xác thực trạng tài chính và tiềm năng của doanh nghiệp, lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu trên cơ sở đánh giá khả năng tạo ra các dòng tiền, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, mức lợi nhuận... Bởi vậy, thông tin từ hệ thống BCTC và phân tích BCTC có vai trò quan trọng đối với nhiều phía cả trong và ngoài doanh nghiệp.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Đối với các chủ doanh nghiệp và các nhà quản trị doanh nghiệp: Họ quan tâm đến nhiều mục tiêu khác nhau: tạo công ăn, việc làm, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm bớt chi phí, đóng góp phúc lợi xã hội... Tuy nhiên, doanh nghiệp chỉ có thể tồn tại nếu đảm bảo được thử thách sống còn và cũng là 2 mục tiêu cơ bản: kinh doanh có lãi và thanh toán công nợ. Như vậy, vì mục đích tồn tại và phát triển, hơn ai hết, các chủ doanh nghiệp và các nhà quản trị doanh nghiệp phải có đủ thông tin, hiểu rõ doanh nghiệp và liên kết các thông tin với nhau về mọi mặt: tình hình tài chính, khả năng sinh lợi, đánh giá rủi ro... Từ đó, các nhà quản lý có thể đưa ra những quyết định đúng đắn nhất, hiệu quả nhất cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với các nhà đầu tư, các chủ nợ: BCTC của doanh nghiệp sẽ giúp họ nhận biết khả năng về tài chính, tình hình sử dụng hiệu quả các loại vốn, nguồn vốn, khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Từ đó, có cơ sở tin cậy cho họ quyết định đầu tư vào doanh nghiệp, cho doanh nghiệp vay hay không? Khi khả năng về tài chính của doanh nghiệp khả quan, khi doanh nghiệp sử dụng vốn có hiệu quả, khả năng sinh lời cao và bền vững thì việc quyết định đầu tư, cho vay thậm chí với giá trị lớn của các nhà đầu tư, nhà cho vay là điều tất yếu.

Đối với nhà cung cấp: BCTC của doanh nghiệp giúp họ nhận biết cơ bản về khả năng thanh toán, để từ đó họ có thể quyết định bán hàng hay không bán hàng hoặc áp dụng phương thức thanh toán hợp lý để nhanh chóng thu hồi tiền hàng.

Đối với khách hàng: BCTC giúp họ phân tích, đánh giá khả năng, năng lực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, mức độ uy tín của doanh nghiệp để quyết định có ứng tiền hàng trước khi mua hàng hay không?

Đối với các cơ quan hữu quan của Nhà nước như tài chính, ngân hàng, kiểm toán, thuế... BCTC của doanh nghiệp là tài liệu quan trọng trong việc kiểm tra, giám sát, kiểm toán và hướng dẫn, tư vấn cho doanh nghiệp thực hiện các chính sách, chế độ, thể lệ về tài chính, kế toán, thuế và kỷ luật tài chính, tín dụng, ngân hàng...

Nói tóm lại: Tất cả các đối tượng quan tâm đến doanh nghiệp, những người có quyền lợi và trách nhiệm liên quan đến doanh nghiệp, mặt này hay mặt khác đều cần thông tin liên quan đến những khía cạnh riêng trong bức tranh tài chính của doanh nghiệp đó. Thông tin từ BCTC qua phân tích BCTC đáp ứng được một

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

cách tốt nhất những yêu cầu trên. Qua đánh giá thường xuyên tình hình tài chính dựa trên các BCTC, các nhà quản trị doanh nghiệp và các đối tượng khác có thể nắm rõ thực trạng của doanh nghiệp, thấy được những nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tình hình của doanh nghiệp. Từ đó họ có thể có những quyết định tối ưu và đề ra biện pháp hữu hiệu nhằm ổn định và tăng cường, phát huy khả năng hoạt động của doanh nghiệp. Với ý nghĩa quan trọng như vậy, lập và phân tích BCTC là công việc nên thực hiện một cách cẩn thận sau mỗi chu kỳ hoạt động của doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính là sản phẩm quan trọng nhất của quy trình kế toán, nó là công cụ cơ bản để công bố thông tin kế toán của doanh nghiệp. Nó tổng hợp và truyền đạt tất cả các số liệu kế toán được phản ánh trên các tài khoản kế toán hoặc cả số liệu từ các chứng từ kế toán được lập và trình bày vào BCTC để đáp ứng tốt nhất mọi nhu cầu của người sử dụng thông tin kế toán.

1.1.2 Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc lập và trình bày BCTC phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21-Trình bày báo cáo tài chính, gồm:

BCTC phải trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực hợp lý, các BCTC phải được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

Doanh nghiệp phải lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán cho việc lập và trình bày BCTC phù hợp với các quy định của từng chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp được các thông tin đáng tin cậy khi:

- Trình bày trung thực hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng.
- Trình bày khách quan, không thiên vị.
- Tuân thủ nguyên tắc thận trọng.
- Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Trong trường hợp chưa có quy định ở chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành thì doanh nghiệp phải căn cứ vào chuẩn mực chung để xây dựng các phương pháp kế toán hợp lý, cụ thể. Khi xây dựng các phương pháp kế toán doanh nghiệp cần xem xét:

- Những yêu cầu và hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán đề cập đến những vấn đề tương tự và có liên quan.
- Những khái niệm, tiêu chuẩn, điều kiện xác định và ghi nhận đối với các tài sản, nợ phải trả, thu nhập và chi phí được quy định trong chuẩn mực chung.
- Những quy định đặc thù của ngành nghề kinh doanh chỉ được chấp thuận khi những quy định này phù hợp với 2 điểm trên.

Việc lập BCTC phải căn cứ vào số liệu sau khi khoá sổ kế toán, BCTC phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán. BCTC phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán ký và đóng dấu của đơn vị.

1.1.3 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các quy định về nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính được quy định tại chuẩn mực số 21- Trình bày Báo cáo tài chính (Ban hành và công bố theo quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) bao gồm:

- **Nguyên tắc hoạt động liên tục:**

Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Khi đánh giá nếu biết được có những điều không chắc chắn liên quan có thể gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp thì những điều không chắc chắn đó cần phải được nêu rõ. Nếu báo cáo tài chính không được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, thì sự kiện này cần được nêu ra, cùng với cơ sở dùng để lập báo cáo tài chính và lý do khiến cho doanh nghiệp không được coi là hoạt động liên tục.

Để đánh giá khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp, Giám Đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải xem xét đến mọi thông tin có thể dự đoán tối thiểu trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

- **Nguyên tắc cơ sở dồn tích:**

Doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo cơ sở dồn tích, ngoại trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền.

Theo cơ sở kế toán dồn tích, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào sổ kế toán, báo cáo tài chính của các kỳ kế toán có liên quan. Các khoản chi phí được ghi nhận vào sổ kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Tuy nhiên, việc áp dụng nguyên tắc phù hợp không cho phép ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán những khoản mục không thoả mãn định nghĩa về tài sản hoặc nợ phải trả.

- **Nguyên tắc nhất quán:**

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác, trừ khi:

Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại việc trình bày báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện; hoặc một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu có sự thay đổi trong trình bày.

Việc thay đổi cách trình bày chỉ được thực hiện khi cấu trúc trình bày mới sẽ được duy trì lâu dài trong tương lai hoặc nếu lợi ích của cách trình bày mới được xác định rõ ràng. Khi có thay đổi, thì doanh nghiệp phải phân loại thông tin mang tính so sánh cho phù hợp với các quy định và giải trình lý do, ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

- **Nguyên tắc trọng yếu và tập hợp:**

Khi lập và trình bày BCTC, từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

Thông tin được coi là trọng yếu nếu không được trình bày hoặc trình bày thiếu chính xác về thông tin đó dẫn đến có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính. Tính trọng yếu phụ thuộc vào quy mô và tính chất của khoản mục được đánh giá trong các tình huống cụ thể nếu các khoản mục này không được trình bày riêng biệt. Tuy

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

nhiên có những khoản mục không được coi là trọng yếu để có thể trình bày riêng biệt trên báo cáo tài chính, nhưng lại được coi là trọng yếu để được trình bày riêng biệt trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo nguyên tắc trọng yếu, doanh nghiệp không nhất thiết phải tuân thủ các quy định về trình bày báo cáo tài chính của chuẩn mực kế toán cụ thể nếu các thông tin đó không có tính trọng yếu.

- **Nguyên tắc bù trừ:**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả trình bày trên BCTC không được bù trừ, trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ.

Các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí chỉ được bù trừ khi:

- Được quy định tại chuẩn mực kế toán cụ thể cho phép.

- Các khoản lỗ, lãi và các chi phí liên quan phát sinh từ các giao dịch, các sự kiện giống nhau hoặc tương tự và không có tính trọng yếu- Các khoản thu nhập và chi phí có tính trọng yếu phải được báo cáo riêng biệt. Việc bù trừ các số liệu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc bảng cân đối kế toán, ngoại trừ trường hợp việc bù trừ này phản ánh bản chất của giao dịch hoặc sự kiện. Việc bù trừ không cho phép người sử dụng hiểu được các giao dịch hoặc sự kiện được thực hiện và dự tính được các luồng tiền trong tương lai của doanh nghiệp.

Các tài sản và nợ phải trả, các khoản thu nhập và chi phí có tính trọng yếu phải được báo cáo riêng biệt. Việc bù trừ các số liệu trong Báo cáo kết quả kinh doanh hoặc bảng Cân đối kế toán, ngoài trừ việc bù trừ này phản ánh bản chất của giao dịch hoặc sự kiện, sẽ không cho phép người sử dụng hiểu được các luồng tiền trong tương lai của doanh nghiệp. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” quy định doanh thu phải được đánh giá theo giá trị hợp lý của những khoản đã thu hoặc có thể thu được, trừ đi tất cả các khoản giảm trừ doanh thu. Trong hoạt động kinh doanh thông thường, doanh nghiệp thực hiện những giao dịch khác không làm phát sinh doanh thu, nhưng lại có liên quan đến các hoạt động chính làm phát sinh doanh thu. Kết quả của các giao dịch này sẽ được trình bày bằng cách khấu trừ các khoản chi phí có liên quan phát sinh trong cùng một giao dịch vào khoản thu nhập tương

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

ứng, nếu cách trình bày này phản ánh đúng bản chất của các giao dịch hoặc sự kiện đó. Chẳng hạn như:

Lãi, lỗ phát sinh trong việc thanh lý các tài sản cố định và đầu tư dài hạn, được trình bày bằng cách khấu trừ giá trị ghi sổ của tài sản và các khoản chi phí thanh lý có liên quan vào giá bán tài sản.

Các khoản lãi và lỗ phát sinh từ một nhóm các giao dịch tương tự sẽ được hạch toán theo giá trị thuần, ví dụ như các khoản lãi lỗ do chênh lệch tỷ giá, lãi lỗ phát sinh từ hoạt động mua bán các công cụ tài chính với mục đích thương mại. Tuy nhiên, các khoản lãi lỗ này cần được trình bày riêng biệt nếu quy mô, tính chất hoặc tác động của chúng yêu cầu phải được trình bày riêng biệt theo quy định của chuẩn mực “Lãi, lỗ thuần trong kỳ, các sai sót cơ bản và các thay đổi trong chính sách kế toán”.

- **Nguyên tắc so sánh:**

Các thông tin bằng số liệu trong báo cáo tài chính nhằm để so sánh giữa các kỳ kế toán với nhau nên phải được trình bày tương ứng với các thông số bằng số liệu trong báo cáo tài chính của kỳ trước. Các thông tin so sánh cần phải bao gồm cả các thông tin diễn giải bằng lời nếu điều đó là cần thiết giúp cho người sử dụng hiểu rõ báo cáo tài chính của kỳ hiện tại.

Khi thay đổi cách trình bày hoặc cách phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính, thì phải phân loại lại các số liệu so sánh (trừ khi việc này không thể thực hiện được) nhằm đảm bảo khả năng so sánh với kỳ hiện tại, và phải trình bày tính chất, số liệu và lý do việc phân loại lại. Nếu không thể thực hiện được việc phân loại lại các số liệu tương ứng mang tính chất so sánh thì doanh nghiệp cần phải nêu rõ nguyên nhân và tính chất của những thay đổi nếu việc phân loại lại số liệu được thực hiện.

Trường hợp không thể phân loại lại các thông tin mang tính so sánh để so sánh với kỳ hiện tại, như trường hợp mà cách thức thu thập các số liệu trong các kỳ trước đây không cho phép thực hiện việc phân loại lại để tạo ra những thông tin so sánh thì doanh nghiệp cần phải trình bày tính chất của các điều chỉnh lẽ ra cần phải thực hiện đối với các thông tin số liệu mang tính so sánh khi các thay đổi về chính sách kế toán được áp dụng cho kỳ trước.

1.1.4 Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

1.1.4.1 Hệ thống BCTC doanh nghiệp

❖ Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC quy định cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ bao gồm:

- **Báo cáo tài chính năm:**
 - Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DNN)
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu số B02-DNN)
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DNN)
 - Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DNN)

Mỗi BCTC phản ánh các nghiệp vụ, sự kiện ở các phạm vi và góc độ khác nhau, do vậy chúng có sự tương hỗ lẫn nhau trong việc thể hiện tình hình tài chính sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không có BCTC nào chỉ phục vụ cho một mục đích hoặc có thể cung cấp mọi thông tin cần thiết làm thỏa mãn mọi nhu cầu sử dụng. Điều này nói lên tính hệ thống của BCTC trong việc cung cấp thông tin cho người sử dụng. Nội dung, phương pháp tính toán, hình thức trình bày trong từng BCTC quy định trong chế độ này được áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, để phục vụ yêu cầu quản lý kinh tế - tài chính, yêu cầu quản lý điều hành các ngành, các tổng công ty, các tập đoàn sản xuất, liên hiệp các xí nghiệp, các công ty liên doanh... Có thể căn cứ vào đặc thù của mình để nghiên cứu, cụ thể hóa và xây dựng thêm các BCTC chi tiết khác cho phù hợp, nhưng phải được Bộ Tài Chính chấp thuận bằng văn bản.

1.1.4.2 Trách nhiệm lập Báo cáo tài chính

- Lập BCTC năm là trách nhiệm của tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế. Các công ty, Tổng công ty có các đơn vị kế toán trực thuộc còn phải lập thêm BCTC tổng hợp hoặc BCTC hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

- Đối với các DNNN, các DN niêm yết trên thị trường chứng khoán còn phải lập BCTC giữa niên độ đầy đủ. Các doanh nghiệp khác nếu tự nguyện lập BCTC giữa niên độ thì được lựa chọn dạng đầy đủ hoặc dạng tóm tắt. Đối với tổng công ty Nhà nước, DNNN có các đơn vị kế toán trực thuộc còn phải lập BCTC tổng hợp hoặc BCTC hợp nhất giữa niên độ.

1.1.4.3. Kỳ lập Báo cáo tài chính

- Kỳ lập BCTC năm: Doanh nghiệp phải lập BCTC theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập BCTC cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

- Kỳ lập BCTC giữa niên độ: là mỗi quý của năm tài chính (không bao gồm quý IV)

- Kỳ lập BCTC khác: Các doanh nghiệp có thể lập BCTC theo kỳ kế toán khác (như tuần, tháng, 6 tháng, 9 tháng...) theo yêu cầu của pháp luật, của công ty mẹ hoặc của chủ sở hữu.

1.1.4.4. Thời hạn nộp Báo cáo tài chính

- **Đối với doanh nghiệp Nhà nước**

- Thời hạn nộp BCTC năm chậm nhất là 30 ngày đối với các đơn vị kế toán và chậm nhất là 90 ngày đối với Tổng công ty Nhà nước kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; Doanh nghiệp trực thuộc Tổng công ty Nhà nước nộp BCTC năm cho Tổng công ty theo thời hạn do Tổng công ty quy định.

- **Đối với các loại hình doanh nghiệp khác**

DN tư nhân và công ty hợp danh phải nộp BCTC năm chậm nhất là 30 ngày, đối với các đơn vị kế toán khác chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ngoài ra các đơn vị kế toán khác trực thuộc đơn vị cấp trên nộp BCTC năm (quý) cho cấp trên theo thời hạn do đơn vị cấp trên quy định.

1.1.4.5. Nơi nộp Báo cáo tài chính

Tất cả các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm nộp BCTC cho các cơ quan chủ quản của mình tại tỉnh, thành phố đó. Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Trung ương nộp BCTC cho cơ quan chủ quản của mình là Bộ Tài Chính.

- Theo quy định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, nơi nộp BCTC được quy định cụ thể như sau:

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty
TNHH Sơn Cường**

Loại hình doanh nghiệp	Nơi nhận báo cáo tài chính		
	Cơ quan Thuế	Cơ quan đăng ký kinh doanh	Cơ quan Thống kê
1- Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân.	x	x	x
2- Hợp tác xã	x	x	

Chú thích: Các cơ quan có đánh dấu “X” là các cơ quan bắt buộc phải nộp.

Đối với các loại DNNN như: Ngân hàng thương mại, công ty xổ số kiến thiết, tổ chức tín dụng, DN bảo hiểm... phải nộp BCTC cho Bộ Tài chính (Vụ tài chính Ngân hàng). Riêng công ty chứng khoán còn phải nộp BCTC cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1.1.4.6. Công khai báo cáo tài chính

Đơn vị kế toán thuộc hoạt động kinh doanh phải công khai báo cáo tài chính năm trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- **Hình thức công khai báo cáo tài chính**

- Phát hành ấn phẩm
- Thông báo bằng văn bản
- Niêm yết
- Các hình thức khác theo quy định

- **Nội dung công khai báo cáo tài chính**

- Tình hình tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.
- Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Trích lập và sử dụng các quỹ.
- Thu nhập của người lao động.

Riêng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh phải công khai BCTC năm trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khác thời hạn công khai BCTC chậm nhất là 120 ngày.

1.2 Báo cáo kết quả kinh doanh và phương pháp lập báo cáo kết quả kinh doanh.

1.2.1 Khái niệm, vai trò của báo cáo kết quả kinh doanh

- **Khái niệm**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính phản ánh tóm lược các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Ngoài báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh còn kết hợp phản ánh tình hình thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước.

- **Vai trò của báo cáo kết quả kinh doanh.**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thể hiện kết quả của các hoạt động của một doanh nghiệp trong 1 kỳ nhất định. Báo cáo này phản ánh tổng quát các khoản doanh thu phát sinh và các chi phí đã sử dụng để tạo ra doanh thu đó, và lãi hay lỗ thuần là chênh lệch giữa doanh thu và chi phí.

Chức năng của báo cáo này là cung cấp các căn cứ cho người sử dụng đánh giá tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cung cấp các thông tin cho người sử dụng sự đánh giá về hiệu quả của một doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Nó trình bày các nguồn chính tạo ra thu nhập và các khoản chi phí liên quan đến thu nhập đó. Nó so sánh các hao phí nguồn lực của doanh nghiệp bỏ ra với kết quả thực hiện qua 1 thời kỳ hoạt động kinh doanh và giúp cho người sử dụng dự đoán được triển vọng trong tương lai của doanh nghiệp. Ngoài ra Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần còn phải tính cả chỉ tiêu lợi tức trên cổ phần, để đánh giá khả năng sinh lời của công ty.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua tổng số lãi hoặc lỗ thuần trong một thời kỳ. Nó liệt kê các khoản doanh thu, chi phí, sau đó đưa ra kết quả lãi hoặc lỗ thuần. Doanh thu biểu thị sự tăng vốn của doanh nghiệp do bán hàng hoá hay cung cấp dịch vụ. Chi phí biểu thị giá trị sử dụng tài sản trong các hoạt động tạo ra doanh thu. Lãi hay lỗ đánh giá hiệu quả tổng quát của hoạt động kinh doanh bao gồm cả sự biến đổi về vốn chủ sở hữu trong một thời kỳ (trừ các khoản đầu tư của chủ sở hữu hay phân chia cho các chủ sở hữu).

Như vậy Báo cáo kết quả kinh doanh chỉ ra các hướng và cung cấp các căn cứ để dự đoán mức độ thành công của một doanh nghiệp. Các chỉ tiêu như: tỷ số giữa

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

chi phí và doanh thu, tỷ suất giữa lãi thuần và vốn chủ sở hữu... được sử dụng để phân tích BCTC của doanh nghiệp.

1.2.2 Công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả kinh doanh và cơ sở số liệu lập Báo cáo kết quả kinh doanh.

- **Công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả kinh doanh.**

Để đảm bảo tính kịp thời và chính xác của các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán cần tiến hành các bước công việc sau:

- Kiểm soát các chứng từ kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ đã cập nhật vào sổ kế toán chưa, nếu cần hoàn chỉnh tiếp tục việc ghi sổ kế toán (đây là khâu đầu trong việc kiểm soát thông tin kế toán là có thực, vì chứng từ kế toán là bằng chứng chứng minh cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh).

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thông qua các yếu tố cơ bản trên chứng từ.

- Kiểm tra tính chính xác của số liệu và thông tin trên chứng từ.

- Cộng sổ kế toán các tài khoản từ loại 5 đến 9 để kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Khoá sổ kế toán tổng hợp và khoá sổ kế toán chi tiết.

- Đối chiếu sự phù hợp về số liệu kế toán giữa các sổ kế toán tổng hợp với nhau, giữa sổ kế toán tổng hợp với sổ kế toán chi tiết. Nếu thấy chưa phù hợp phải thực hiện điều chỉnh lại số liệu theo nguyên tắc sửa sổ.

- Thực hiện việc kiểm kê tài sản theo chế độ quy định, nhằm điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán phù hợp với kết quả kiểm kê. Trường hợp có chênh lệch giữa số liệu thực tế kiểm kê với số liệu trên sổ sách, đơn vị kế toán phải xác định nguyên nhân, phải phản ánh số chênh lệch và kết quả xử lý vào sổ kế toán trước khi lập Báo cáo tài chính.

- Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Cơ sở số liệu lập Báo cáo kết quả kinh doanh.**

- Căn cứ Báo cáo kết quả kinh doanh của năm trước.

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

1.2.3 Nội dung và Phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- “Mã số” ghi ở cột B được dùng để cộng khi lập báo cáo tài chính.

- Số liệu ghi vào cột C “Thuyết minh” của báo cáo này thể hiện số liệu chi tiết của chỉ tiêu này trong bản thuyết minh báo cáo tài chính năm.

- Số liệu ghi vào cột 2 “Năm trước” của báo cáo kỳ này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 1 “Năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước.

- Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu ghi vào cột 1 “Năm nay” như sau:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có của tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ” và tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” trong năm báo cáo và trên sổ Cái.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là Lũy kế bên Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, và TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” đối ứng với bên Có của các TK 521 “Chiết khấu thương mại”, TK 531 “Hàng bán bị trả lại”, TK 532 “Giảm giá hàng bán”, TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”(TK 3331, TK 3332, TK 3333) trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

Chỉ tiêu này phản ánh doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ đã trừ các khoản giảm trừ trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Mã số 10 = Mã số 01 - Mã số 02

4. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có của TK 632 “ Giá vốn hàng bán”, trong kỳ báo cáo tương ứng bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên Sổ Cái.

5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ báo cáo.

Mã số 20 = Mã số 10 - Mã số 11

6. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty
TNHH Sơn Cường***

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ của TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” Đối ứng với bên Có của Tk 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

7. Chi phí tài chính (Mã số 22)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có của TK 635 “Chi phí tài chính” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

- Chi phí lãi vay (Mã số 23)

Chỉ tiêu này phản ánh lãi vay phải trả được tính vào chi phí tài chính trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào sổ chi tiết TK 635.

8. Chi phí quản lý kinh doanh (Mã số 24)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng phát sinh bên Có của TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)

Mã số 30 = Mã số 20 + (Mã số 21 - Mã số 22) - Mã số 24 - Mã số 25

10. Thu nhập khác (Mã số 31)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản thu nhập khác(sau khi trừ đi thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp) phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng phát sinh bên Nợ của TK 711 “Thu nhập khác” đối ứng với bên Có của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

11. Chi phí khác (Mã số 32)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng phát sinh bên Có của TK 811 “Chi phí khác” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

12. Lợi nhuận khác (Mã số 40)

Mã số 40 = Mã số 31 - Mã số 32

13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)

Mã số 50 = Mã số 30 + Mã số 40

14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 51)

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty
TNHH Sơn Cường***

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm báo cáo. Số liệu được ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên có của tài khoản 821 “chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” đối ứng với bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK 821, hoặc căn cứ vào số phát sinh bên nợ của TK821 đối ứng bên có của TK 911 trong kỳ báo cáo, trường hợp số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...) trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 821.

Mã số 51 = Mã số 50 x Thuế suất thuế TNDN

15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)

Mã số 60 = Mã số 50 – (Mã số 51 + Mã số 52)

Mẫu biểu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B02 – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC
ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty
TNHH Sơn Cường**

Năm ...

Đơn vị tính:.....

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24			
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30			
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09		
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60			

Lập, ngàytháng.....năm

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

1.3 Phân tích tài chính doanh nghiệp thông qua báo cáo kết quả kinh doanh.

1.3.1 Sự cần thiết của phân tích tài chính doanh nghiệp

• **Khái niệm**

Hoạt động tài chính là một bộ phận của hoạt động sản xuất kinh doanh và có mối quan hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất kinh doanh. Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh đều ảnh hưởng tới tình hình tài chính của doanh nghiệp. Ngược lại, tình

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

hình tình hình tài chính tốt hay xấu lại có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm đối với quá trình sản xuất kinh doanh. Do vậy, phân tích hoạt động tài chính giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phân tích hoạt động tài chính là việc miêu tả các mối quan hệ cần thiết giữa các khoản và các nhóm khoản mục trên báo cáo tài chính để xác định các chỉ tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan trong việc đưa ra các quyết định tài chính phù hợp với mục tiêu của đối tượng đó.

- **Sự cần thiết của phân tích tài chính doanh nghiệp**

Phân tích tài chính doanh nghiệp mà trọng tâm là phân tích báo cáo tài chính và các chỉ tiêu tài chính đặc trưng thông qua hệ thống các phương pháp, công cụ và kỹ thuật giúp người ta sử dụng thông tin từ các góc độ khác nhau vừa đánh giá được toàn diện, tổng quát và khái quát lại, vừa xem xét lại một cách chi tiết hoạt động tài chính doanh nghiệp để nhận biết, dự báo và đưa ra quyết định tài chính, quyết định đầu tư phù hợp. Có rất nhiều người quan tâm và sử dụng thông tin kinh tế của công ty và mỗi người lại theo đuổi những mục tiêu khác nhau. Do nhu cầu về thông tin tài chính công ty rất đa dạng đòi hỏi phân tích tài chính phải được tiến hành bằng nhiều phương pháp khác nhau để từ đó đáp ứng nhu cầu của người quan tâm. Chính điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho phân tích tài chính ra đời, ngày càng hoàn thiện và phát triển, đồng thời cũng tạo ra sự phức tạp của phân tích tài chính. Việc phân tích tài chính doanh nghiệp là mối quan tâm hàng đầu của nhiều đối tượng, trước hết là ban giám đốc, các nhà đầu tư, các chủ nợ, những người cho vay, các đối tác... đặc biệt là cơ quan chủ quản nhà nước và người lao động. Mỗi nhóm người này có nhu cầu sử dụng thông tin khác nhau song họ đều có hướng tập trung vào những khía cạnh riêng trong bức tranh tài chính của doanh nghiệp.

Đối với nhà quản lý: Phân tích tài chính nhằm đáp ứng các mục tiêu cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp như: tìm kiếm lợi nhuận, đảm bảo khả năng thanh toán công nợ, tăng sức cạnh tranh trên thị trường... Ngoài ra, nhờ hoạt động phân tích tài chính mà các nhà quản lý doanh nghiệp có thể đánh giá chính xác, kịp thời các thông tin kinh tế, thấy được thực trạng tài chính cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với các nhà đầu tư: Họ cần có những thông tin trung thực, khách quan về thực trạng tài chính của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn. Do

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

vậy, phân tích hoạt động tài chính đối với nhà đầu tư là để đánh giá khả năng sinh lời, mức độ rủi ro, khả năng hoàn trả... của công ty.

Đối với người cho vay: Đây là những người cho công ty vay vốn để đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh. Khi cho vay họ phải biết chắc được khả năng hoàn trả nợ vay. Do đó, mối quan tâm hàng đầu của họ tới doanh nghiệp là khả năng thanh toán nợ, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Ngoài ra, họ còn quan tâm tới khả năng sinh lời, tiềm năng của doanh nghiệp trong tương lai. Điều này sẽ cho phép họ mạo hiểm hơn trong quyết định cho vay.

Đối với cơ quan nhà nước: Giúp Nhà nước nắm được tình hình tài chính của doanh nghiệp để từ đó đề ra các chính sách vĩ mô đúng đắn (chính sách thuế, lãi suất đầu tư...) nhằm tạo hành lang pháp lý cho doanh nghiệp hoạt động.

Đối với những người hưởng lương trong công ty: Đây là những người có nguồn thu nhập duy nhất là tiền lương được trả. Tuy nhiên, cũng có những công ty người được hưởng lương có một phần cổ phiếu nhất định trong công ty thì họ có thu nhập từ lương và tiền lời được chia. Cả hai khoản tiền này đều phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh. Do đó, phân tích tài chính giúp họ định hướng việc làm ổn định của mình, trên cơ sở đó yên tâm dốc sức vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tùy thuộc vào công việc được phân công, đảm nhiệm.

Đối với công ty kiểm toán: Công ty kiểm toán sẽ sử dụng báo cáo tài chính doanh nghiệp và các bằng chứng khác mà kiểm toán thu được để xác định tính hợp lý, trung thực của các số liệu và phát hiện những gian lận hoặc sai sót của doanh nghiệp.

Từ đó ta thấy, phân tích tài chính là công cụ hữu ích được dùng để xác định giá trị kinh tế, để đánh giá mặt mạnh yếu của một công ty, tìm ra nguyên nhân khách quan và chủ quan, giúp cho từng đối tượng lựa chọn và đưa ra những quyết định phù hợp với mục đích mà họ quan tâm.

1.3.2 Phương pháp phân tích báo cáo kết quả kinh doanh.

Phương pháp phân tích tài chính là cách thức, kỹ thuật để đánh giá tình hình tài chính của công ty ở quá khứ, hiện tại và dự đoán tài chính trong tương lai. Từ đó giúp các đối tượng đưa ra quyết định kinh tế phù hợp với mục tiêu mong muốn của từng đối tượng. Để đáp ứng mục tiêu của phân tích tài chính có nhiều phương pháp tiên hành như phương pháp so sánh, phương pháp tỷ lệ, phương pháp phân tích nhân tố,

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

phương pháp dự đoán... Nhưng thông thường người ta hay sử dụng hai phương pháp sau:

- **Phương pháp so sánh:**

- *Điều kiện so sánh:*

Khi so sánh theo thời gian, các chỉ tiêu cần thống nhất về nội dung kinh tế, phương pháp phân tích, đơn vị đo lường. Khi so sánh về không gian, người ta thường so sánh trong một ngành nhất định. Nên ta cần phải quy đổi về cùng một quy mô với cùng một điều kiện kinh doanh tương tự.

- *Tiêu chuẩn so sánh:*

Là chỉ tiêu dùng để làm mốc khi so sánh, tiêu chuẩn so sánh được lựa chọn tùy theo mục tiêu so sánh. Mục tiêu so sánh sẽ quy định các kỹ thuật, phương pháp để đạt được mục tiêu đã đề ra.

- *Mục tiêu so sánh:* để đáp ứng các mục tiêu sử dụng của những chỉ tiêu so sánh, quá trình so sánh giữa các chỉ tiêu được thể hiện dưới 3 hình thái:

- + **Số tuyệt đối:** là kết quả so sánh giữa các kỳ phân tích, được thực hiện bằng phép trừ (-) giữa các mức độ của chỉ tiêu đang xem xét ở các kỳ khác nhau. So sánh bằng số tuyệt đối phản ánh biến động về mặt quy mô hoặc khối lượng của chỉ tiêu phân tích.

- + **Số tương đối:** là kết quả so sánh giữa các kỳ phân tích, được thực hiện bằng phép chia (:) giữa các mức độ của chỉ tiêu đang xem xét ở các kỳ khác nhau. So sánh bằng số tương đối phản ánh mối quan hệ tỷ lệ, kết cấu của từng chỉ tiêu trong tổng thể; hoặc biến động về mặt tốc độ của chỉ tiêu đang xem xét giữa các thời gian khác nhau.

- + **Số bình quân:** là chỉ số biểu hiện tính phổ biến của chỉ tiêu phân tích.

- *Phân tích theo chiều dọc và phân tích theo chiều ngang*

- + Quá trình so sánh, xác định tỷ lệ, quan hệ tương quan giữa các dữ kiện trên báo cáo tài chính của kỳ hiện hành được gọi là quá trình phân tích theo chiều dọc.

- + Quá trình so sánh, xác định tỷ lệ và chiều hướng tăng giảm của các dữ kiện trên báo cáo tài chính của nhiều kỳ khác nhau, được gọi là quá trình phân tích theo chiều ngang. Tuy nhiên, phân tích theo chiều ngang cần chú ý trong điều kiện xảy ra lạm phát, kết quả tính được chỉ có ý nghĩa khi chúng ta đã loại trừ ảnh hưởng của biến động giá.

- **Phương pháp phân tích tỷ số:**

Nguồn thông tin kinh tế tài chính đã và đang được cải tiến cung cấp đầy đủ hơn, đó là cơ sở hình thành các chỉ tiêu tham chiếu tin cậy cho việc đánh giá tỷ số tài chính trong doanh nghiệp. Việc áp dụng công nghệ tin học cho phép tích lũy dữ liệu và đẩy nhanh quá trình tính toán. Phương pháp phân tích này giúp cho việc khai thác, sử dụng các số liệu được hiệu quả hơn thông qua việc phân tích một cách có hệ thống hàng loạt các tỷ số theo chuỗi thời gian liên tục hoặc gián đoạn.

Phương pháp này dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ số và đại cương tài chính trong các quan hệ tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp này đòi hỏi phải xác định được các ngưỡng, các định mức để từ đó nhận xét và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp trên cơ sở so sánh các chỉ tiêu và tỷ số tài chính của doanh nghiệp với các tỷ số tham chiếu.

Trong phân tích tài chính doanh nghiệp, các tỷ số tài chính được phân thành các nhóm chỉ tiêu đặc trưng phản ánh những nội dung cơ bản theo mục tiêu phân tích của doanh nghiệp. Nhưng nhìn chung có bốn nhóm chỉ tiêu cơ bản sau:

- + Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán
- + Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư
- + Nhóm chỉ tiêu về hoạt động
- + Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời

1.3.3 Nội dung phân tích báo cáo kết quả kinh doanh

Trong quá trình phân tích kết quả hoạt động, phải phân tích một cách toàn diện:

- Về thời gian, kết quả đạt được trong kỳ không làm giảm sút hiệu quả của các kỳ kinh doanh tiếp theo, hiệu quả ấy phải ổn định, an toàn và ngày càng phát triển.
- Về không gian, kết quả kinh doanh đạt được phải thực hiện trong mọi bộ phận của doanh nghiệp.
- Từ việc phân tích kết quả nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh tăng khả năng sinh lời, còn phải đặt cả trong mối quan hệ với hiệu quả chung về kinh tế, xã hội như: tôn trọng pháp luật, bảo vệ tài nguyên, môi trường....

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Quá trình đánh giá khái quát tình hình tài chính qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có thể thông qua việc phân tích 3 nội dung cơ bản sau:

- Đánh giá khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua Báo cáo kết quả kinh doanh: tình hình tăng giảm của các chỉ tiêu qua từng năm.

- Đánh giá sơ bộ kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận: tỉ trọng của từng loại doanh thu, chi phí, lợi nhuận chiếm trong tổng số.

- Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng.

- **Đánh giá khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua Báo cáo kết quả kinh doanh.**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động do chức năng kinh doanh đem lại, trong từng thời kỳ hạch toán của doanh nghiệp, là cơ sở chủ yếu để đánh giá, phân tích hiệu quả các mặt, các lĩnh vực hoạt động, phân tích nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân cơ bản đến kết quả chung của doanh nghiệp. Bảng phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đúng đắn và chính xác sẽ là số liệu quan trọng để tính và kiểm tra số thuế doanh thu, thuế lợi tức mà doanh nghiệp phải nộp và sự kiểm tra, đánh giá của các cơ quan quản lý về chất lượng hoạt động của doanh nghiệp.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

BẢNG PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUA CÁC NĂM
(Trong 3 năm 2009, 2010, 2011)

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	So với D.thu thuần (%)			2010-2009		2011-2010	
				2009	2010	2011	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
1. Doanh thu từ BH& CCDV										
2. Các khoản giảm trừ DT										
3. Doanh thu thuần từ BH& CCDV										
4. Giá vốn hàng bán										
5. Lợi nhuận gộp										
6. Doanh thu hoạt động TC										
7. Chi phí tài chính										
8. Chi phí quản lý kinh doanh										
9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD										
10. Thu nhập khác										
11. Chi phí khác										
12. Lợi nhuận khác										
13. Tổng lợi nhuận trước thuế										
14. Chi phí thuế TNDN										
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN										

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

- **Đánh giá sơ bộ kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận**

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp không chỉ tiến hành một loại hoạt động sản xuất mà còn tham gia vào nhiều loại hình hoạt động đa dạng nhằm mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của mình. Chính vì vậy, lợi nhuận từ các loại hoạt động thu về khi tổng hợp lại thành lợi nhuận của doanh nghiệp cần phải được tiến hành phân tích và đánh giá khái quát giữa doanh thu, chi phí và kết quả trong mối quan hệ chung trong tổng số các mặt hoạt động.

Căn cứ vào bảng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (phần I: Lãi, Lỗ) ta có thể lập bảng phân tích như sau:

Bảng 1.1: Phân tích đánh giá về kết cấu chi phí, doanh thu và kết quả

Chỉ tiêu	Thu nhập		Chi phí		Kết quả	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Hoạt động sản xuất kinh doanh						
Hoạt động tài chính						
Các hoạt động khác						
Tổng Số						

Qua bảng phân tích trên ta có thể rút ra nhận xét về tình hình doanh thu do các hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại tương ứng với chi phí bỏ ra. Từ đó cho thấy tỉ trọng kết quả của từng loại hoạt động trong tổng số hoạt động mà doanh nghiệp tham gia.

- **Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng của doanh nghiệp**

Các số liệu trên báo cáo tài chính chưa lột tả được hết thực trạng tài chính của doanh nghiệp, do vậy các nhà tài chính còn dùng các chỉ tiêu tài chính để giải thích thêm về các mối quan hệ tài chính và coi các chỉ tiêu tài chính là những biểu hiện đặc trưng nhất về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Các nhóm chỉ tiêu tài chính đặc trưng bao gồm:

- Nhóm chỉ tiêu đặc trưng cho các chỉ số hoạt động của doanh nghiệp.
- Nhóm chỉ tiêu đặc trưng cho khả năng sinh lời.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

○ ***Các chỉ số về hoạt động:***

Các chỉ số này dùng để đo lường hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của một doanh nghiệp bằng cách so sánh doanh thu với việc bỏ vốn vào kinh doanh dưới các loại tài sản khác nhau.

➤ Vòng quay các khoản phải thu:

Vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp nhanh hay chậm và được xác định theo công thức:

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Số dư bình quân các khoản phải thu}}$$

Số dư bình quân các khoản phải thu được tính bằng cách cộng số phải thu đầu kỳ với cuối kỳ rồi chia đôi.

Doanh thu tiêu thụ sản phẩm được tính ở đây chính là tổng doanh thu của ba loại hoạt động (hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác).

Số vòng quay càng lớn, chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu nhanh, đó là dấu hiệu tốt vì doanh nghiệp không phải đầu tư nhiều vào các khoản phải thu (không phải cung cấp tín dụng cho khách hàng hay không bị khách hàng chiếm dụng vốn).

➤ Kỳ thu tiền trung bình:

Kỳ thu tiền trung bình phản ánh số ngày cần thiết để thu hồi được các khoản phải thu (số ngày một vòng quay các khoản phải thu). Vòng quay các khoản phải thu càng lớn thì kỳ thu tiền trung bình càng nhỏ và ngược lại. Kỳ thu tiền trung bình được xác định theo công thức sau:

$$\text{Kỳ thu tiền trung bình} = \frac{365 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}$$

Tuy nhiên, kỳ thu tiền trung bình cao hay thấp trong nhiều trường hợp chưa thể kết luận chắc chắn mà còn phải xem xét lại các mục tiêu và chính sách của doanh nghiệp như: mục tiêu mở rộng thị trường, chính sách tín dụng của doanh nghiệp. Mặt khác, chỉ tiêu này có thể được đánh giá là khả quan nhưng doanh nghiệp cũng cần phải phân tích kỹ hơn vì tầm quan trọng của nó và kỹ thuật tính toán đã che dấu đi các khuyết tật trong việc quản trị các khoản phải thu.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

➤ Vòng quay vốn lưu động:

Vòng quay vốn lưu động phản ánh trong kỳ vốn lưu động quay được mấy vòng. Công thức xác định như sau:

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

Trong đó, vốn lưu động bình quân được tính bằng cách cộng Tài sản lưu động và Đầu tư ngắn hạn đầu kỳ với cuối kỳ rồi chia đôi.

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đồng vốn lưu động bình quân tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh thì tạo ra được mấy đồng doanh thu thuần. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn lưu động càng cao. Muốn làm được như vậy thì cần phải rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh tốc độ tiêu thụ hàng hoá...

➤ Số ngày một vòng quay vốn lưu động:

Số ngày một vòng quay vốn lưu động phản ánh trung bình một vòng quay vốn lưu động hết bao nhiêu ngày. Công thức xác định như sau:

$$\text{Số ngày một vòng quay vốn lưu động} = \frac{365 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay vốn lưu động}}$$

➤ Vòng quay toàn bộ vốn:

Vòng quay toàn bộ vốn phản ánh vốn của doanh nghiệp trong một kỳ quay được bao nhiêu vòng. Qua chỉ tiêu này ta có thể đánh giá được khả năng sử dụng tài sản của doanh nghiệp thể hiện qua doanh thu thuần được sinh ra từ tài sản doanh nghiệp đã đầu tư. Công thức xác định như sau:

$$\text{Vòng quay toàn bộ vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn sản xuất bình quân}}$$

Trong đó, vốn sản xuất bình quân được tính bằng cách cộng tổng nguồn vốn đầu kỳ với cuối kỳ rồi chia đôi.

Vòng quay càng lớn hiệu quả sử dụng vốn càng cao.

○ ***Các chỉ số sinh lời :***

➤ Tỷ suất doanh lợi doanh thu:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Tỷ suất này thể hiện trong một đồng doanh thu mà doanh nghiệp thu được trong kỳ có mấy đồng lợi nhuận và được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ suất doanh lợi doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Để đánh giá chỉ tiêu này tốt hay xấu phải đặt nó trong một ngành cụ thể và so sánh nó với năm trước và doanh nghiệp cùng ngành.

➤ Tỷ suất doanh lợi tổng vốn (ROA)

Tỷ suất này là chỉ tiêu đo lường mức độ sinh lời của đồng vốn. Chỉ tiêu này phản ánh một đồng vốn bình quân được sử dụng trong kỳ tạo ra mấy đồng lợi nhuận. Công thức xác định:

$$\text{Doanh lợi tổng vốn} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Vốn sản xuất kinh doanh bình quân}}$$

Trong đó vốn sản xuất bình quân được tính bằng cách cộng tổng nguồn vốn đầu kỳ với cuối kỳ chia đôi.

Chỉ tiêu tỷ suất doanh lợi tổng vốn còn được đánh giá thông qua chỉ tiêu vòng quay vốn và doanh lợi doanh thu.

$$\text{Doanh lợi tổng vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn sản xuất bình quân}} \times \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

➤ Tỷ suất doanh lợi vốn chủ sở hữu (ROE)

Mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp là tạo ra lợi nhuận ròng cho các chủ nhân của doanh nghiệp đó. Tỷ suất doanh lợi chủ sở hữu là chỉ tiêu để đánh giá mục tiêu đó.

$$\text{Tỷ suất doanh lợi vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn chủ sở hữu bình quân tham gia vào kinh doanh tạo ra mấy đồng lợi nhuận thuần.

Các chỉ số sinh lời rất được các nhà quản trị tài chính quan tâm bởi vì chúng là cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ nhất định.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Hơn thế các chỉ số này còn là cơ sở quan trọng để các nhà hoạch định đưa ra các quyết định tài chính trong tương lai.

- **Phương pháp phân tích các chỉ tiêu:**

So sánh giữa cuối kỳ với đầu kỳ của các chỉ tiêu, qua số chênh lệch đánh giá khái quát rủi ro tài chính của doanh nghiệp.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SƠN CƯỜNG.

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Sơn Cường.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

- Tên doanh nghiệp: **Công Ty trách nhiệm hữu hạn Sơn Cường**
- Tên nước ngoài : Sơn Cường Company Limited
- Tên viết tắt : Sơn Cường Co.,LTD
- Mã số thuế : 0200449917
- Giám đốc : Nguyễn Thế Sinh
- Điện thoại : (031)3881682
- Vốn điều lệ: 6.400.000.000đ
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH có hai thành viên Trở lên

Công ty TNHH Sơn Cường – Kiến Thụy – Hải Phòng tiền thân là Công ty Thương Mại Tổng hợp. Được Sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận kinh doanh số: 02 02000534 ngày 26/12/2001. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01 tháng 4 năm 2008.

Từ khi thành lập doanh nghiệp trong quá trình xây dựng, tồn tại và phát triển công ty đã vượt qua những khó khăn thực hiện kế hoạch hóa để đổi mới kinh tế tiếp cận với nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Kết quả thành tích mà công ty mang lại trong suốt 10 năm qua mới ngày đầu thành lập với số vốn cố định có 6.400.000.000 đồng nay tổng số tài sản đã có 17.000.000.000 đồng.

Đạt được kết quả trên chính là nhờ sự phấn đấu của lãnh đạo công ty và toàn thể công nhân viên trong toàn công ty luôn luôn gắn bó nhằm xây dựng công ty ngày một phát triển trên cơ sở đoàn kết nhất chí khắc phục khó khăn và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Thời gian qua công ty cũng đã hoàn thành một số công trình trọng điểm như gói thầu san lấp mặt bằng đường ô tô cao tốc 5B HN- HP; san lấp mặt bằng khi Tái

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

định cư Thị Trấn Núi Đồi; xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống thoát nước khu tái định cư Kim Đồi, Hữu Bằng; xây dựng chợ trung tâm thị trấn Núi đồi- Kiến Thụy....

Tuy trong những năm gần đây nền kinh tế trong nước và thế giới kém phát triển, lạm phát tăng cao doanh nghiệp cũng đã gặp phải nhiều khó khăn, song với sự quyết tâm của ban lãnh đạo công ty cũng như tập thể công nhân viên, phấn đấu cùng nhau vượt qua khó khăn từng bước đưa công ty ngày càng phát triển.

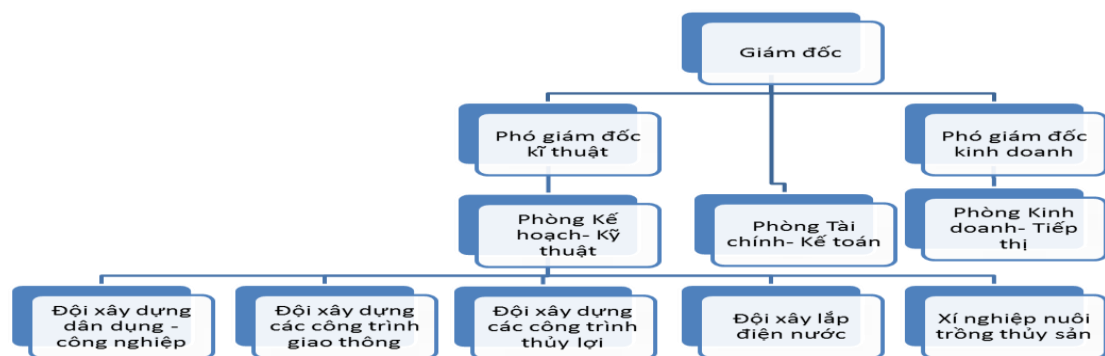
Với các chức năng ngành nghề, kinh nghiệm thi công, làm việc có hiệu quả, được bạn hàng đánh giá cao và là đơn vị có tiềm năng phát triển. Công ty TNHH Sơn Cường luôn hướng tới chủ trương:

UY TÍN – CHẤT LƯỢNG – HIỆU QUẢ

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sơn Cường

- Kinh doanh tạp hóa, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm (Trừ mặt hàng nhà nước cấm)
- Dịch vụ ăn uống
- Xây dựng các công trình dân dụng, cầu cống, thủy lợi và san lấp mặt bằng.
- Thi công ép cọc móng bê tông bằng máy ép cọc thủy lực
- Buôn bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Đầu tư xây dựng cho thuê và bán
- Dịch vụ khác.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sơn Cường.



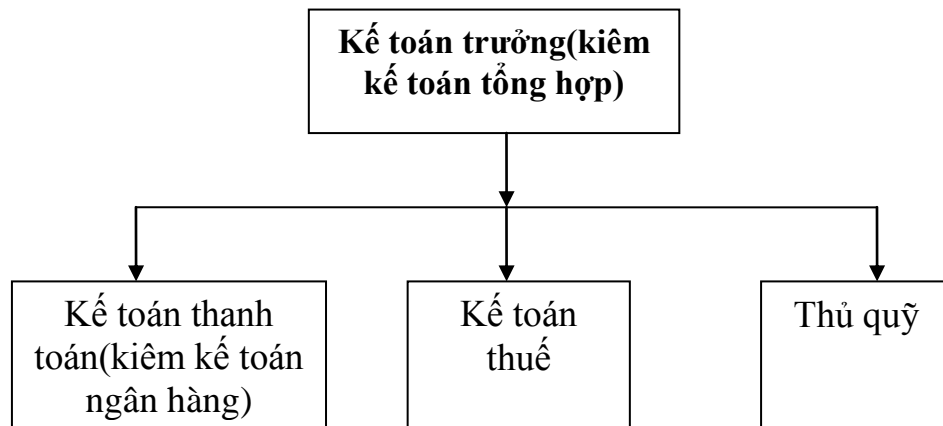
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức Bộ máy quản lý của công ty TNHH Sơn Cường.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường.

2.1.4.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Sơn Cường.

Để thực hiện được các yêu cầu của công tác quản lý và hạch toán thống nhất trong công ty. Công ty đã áp dụng mô hình tổ chức kế toán tập trung theo sơ đồ sau:



Theo dõi trực tiếp :



Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Sơn Cường

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Sơn Cường)

Theo sơ đồ trên:

Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:

Là người giúp việc cho Giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ hệ thống kế toán thống kê tài chính trong công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc công ty và sự chỉ đạo kiểm tra về mặt chuyên môn của các cơ quan quản lý tài chính của nhà nước, tham vấn cho giám đốc để có thể ra các quyết định hợp lý.

Đồng thời tổng hợp các số liệu kế toán trên cơ sở số liệu sổ sách do kế toán viên cung cấp và tiến hành lập báo cáo tài chính, trực tiếp thông báo, cung cấp thông tin nhằm tư vấn cho giám đốc Công ty về vấn đề tài chính kế toán của Công ty.

Kế toán thanh toán kiêm kế toán ngân hàng

Chịu trách nhiệm theo dõi công nợ với khách hàng, các nhà cung cấp và thầu phụ. Kiểm tra kiểm soát các chứng từ mua vật tư của các đơn vị trong công ty, tính hợp lý của chứng từ trước khi trình kế toán trưởng phê duyệt. Chịu trách nhiệm

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

theo dõi cả khoản tài chính liên quan đến ngân hàng, trực thuộc giao dịch với ngân hàng, rút tiền mặt, nộp phiếu thu, phiếu chi, chứng từ, đề nghị thanh toán.

Có nhiệm vụ hàng tháng lập nhu cầu vốn, giao dịch vay vốn với ngân hàng, mở sổ sách theo dõi tiền vay, tiền gửi ngân hàng, lập báo cáo; kiểm tra chứng từ đầu vào, thanh toán với người bán, người tạm ứng.

Kế toán thuế

Theo dõi các khoản thuế, tính lập các tờ khai thuế hàng tháng.

Chịu trách nhiệm lập báo cáo thuế cho công ty, tính ra số thuế phải nộp hoặc được hoàn lại cho đơn vị; tính toán và trích nộp đầy đủ, kịp thời các khoản nộp vào ngân sách nhà nước.

Thủ quỹ

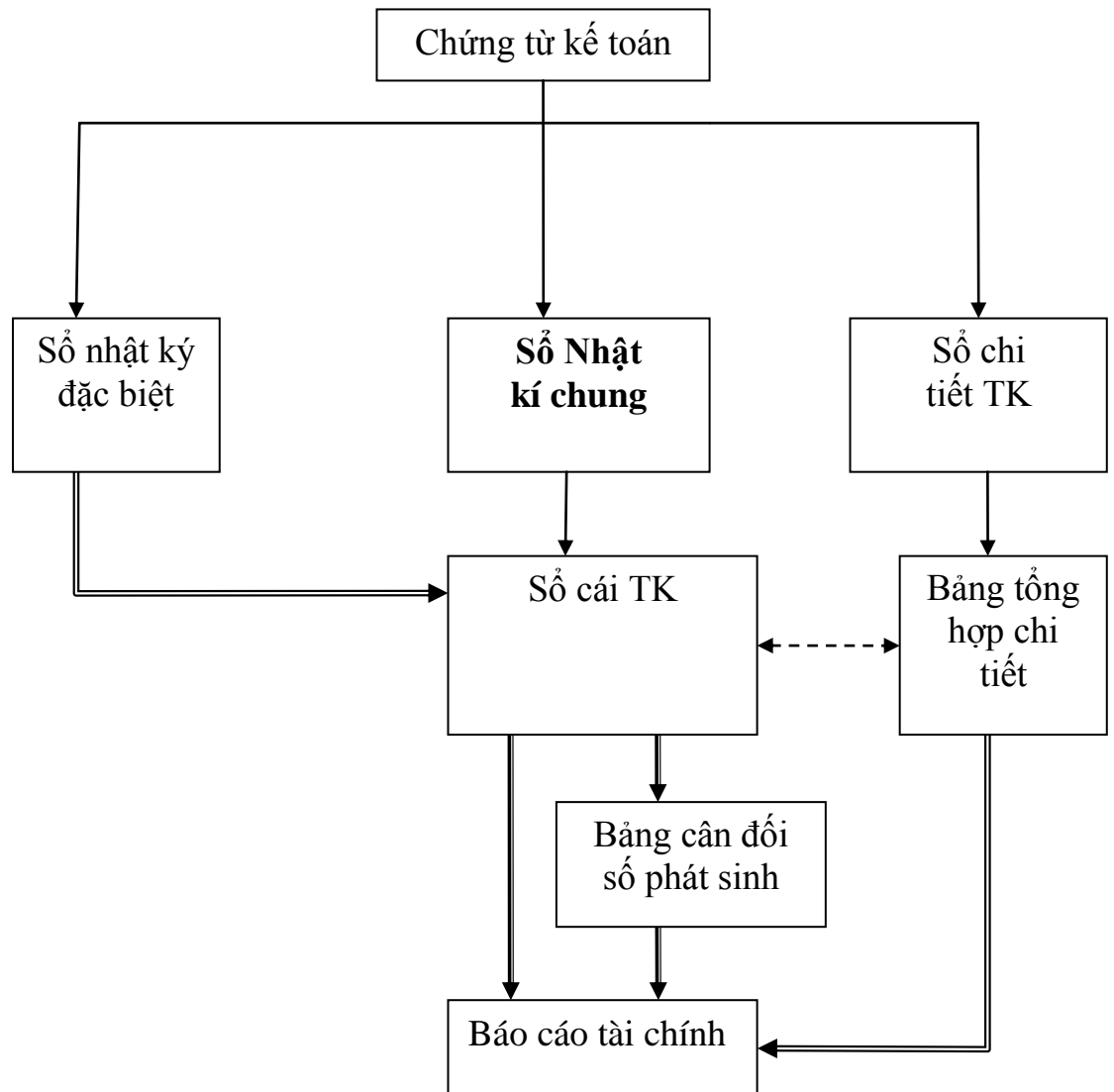
Có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt trong ngày.

2.1.4.2 Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty.

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi công ty đã áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán của hình thức: Nhật kí chung



(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Sơn Cường)

Chú thích:

← - - - - - → : Đối chiếu, kiểm tra

—————→ : Ghi hàng ngày

=====> : Ghi định kỳ(cuối tháng, quý, năm)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Chính sách, phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- Niên độ kế toán: được xác định theo năm, bắt đầu từ ngày 1/1/N đến ngày 31/12/N
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.
- Chế độ kế toán áp dụng: theo QĐ 48 ngày 20/03/2006, kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hàng tháng công ty phải nộp tờ khai thuế cho Chi cục thuế huyện Kiến Thụy.
- Hàng quý công ty phải lập tờ khai thuế.
- Vào cuối năm công ty lập quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định của Tổng cục thuế.
- Công ty ghi nhận hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Tính trị giá hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước, tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Theo thảo thuận và luật doanh nghiệp.
- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Theo thảo thuận và luật doanh nghiệp.

2.2 Thực trạng tổ chức lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường.

2.2.1 Cơ sở số liệu lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường.

Tại công ty TNHH Sơn Cường cơ sở số liệu để lập Báo cáo kết quả kinh doanh là:

- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010.
- Sổ kế toán tổng hợp trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

2.2.2 Trình tự lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường.



2.2.2.1. Kiểm soát chứng từ cập nhật

Cơ sở số liệu để lập Báo cáo kết quả kinh doanh kỳ này là Báo cáo kết quả kinh doanh kỳ trước và hệ thống sổ kế toán (sổ tổng hợp và sổ chi tiết các tài khoản) của kỳ kế toán cần lập báo cáo.

Một trong những yêu cầu được xem là quan trọng nhất của thông tin phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh là tính chính xác, trung thực và khách quan. Để đáp ứng yêu cầu đó thì cơ sở dữ liệu để lập Báo cáo kết quả kinh doanh cũng phải chính xác, trung thực và khách quan. Vì thế trước khi sử dụng thông tin trên hệ thống sổ sách kế toán để lập Báo cáo kết quả kinh doanh, công ty đã thực hiện các biện pháp nghiệp vụ cụ thể để kiểm soát thông tin trên sổ kế toán, việc này thường được tiến hành vào cuối năm và bằng cách kiểm soát các nghiệp vụ ghi sổ kế toán có bằng chứng hay không, nghĩa là các nghiệp vụ được phản ánh trong hệ thống sổ kế toán tổng hợp và hệ thống sổ kế toán chi tiết có chứng từ hay không. Trình tự kiểm soát được tiến hành như sau:

- Sắp xếp chứng từ kế toán theo trật tự thời gian phát sinh.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

- Đối chiếu nội dung kinh tế, số tiền phát sinh từng chứng từ với nội dung kinh tế, số tiền của từng nghiệp vụ được phản ánh trong sổ nhật ký chung.
- Kiểm soát quan hệ đối ứng tài khoản trong sổ nhật ký chung.
- Đối chiếu số liệu giữa sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản.
- Đối chiếu giữa sổ chi tiết với bảng tổng hợp chi tiết.

2.2.2.2. Kiểm kê tài sản và xử lý kiểm kê.

Để thông tin kế toán phản ánh đúng thực trạng tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, một công tác không thể thiếu được trong tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức lập báo cáo tài chính nói riêng là kiểm kê tài sản và lập biên bản xử lý kiểm kê.

Tại công ty TNHH Sơn Cường việc kiểm kê được thực hiện vào cuối năm. Ngoài ra, tại công ty còn duy trì chế độ kiểm kê bất thường nhằm mục đích tăng cường công tác quản lý tình hình tài chính cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Kết thúc quá trình kiểm kê, ban kiểm tra lập biên bản kiểm kê gửi về phòng kế toán. Căn cứ vào biên bản kiểm kê, kế toán xử lý như sau:

- Trường hợp có thừa thiếu tài sản nhưng biên bản xử lý kiểm kê ghi rõ hạch toán vào kỳ báo cáo sau thì chấp nhận kết quả khóa sổ tạm thời và bảng cân đối phát sinh tạm thời.
- Trường hợp có thừa thiếu tài sản nhưng biên bản xử lý kiểm kê ghi rõ hạch toán thừa, thiếu tài sản vào kỳ báo cáo, kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh lại bút toán.

2.2.2.3. Khóa sổ kế toán và lập bảng cân đối phát sinh sau kiểm kê.

Sau khi kiểm kê tài sản và xử lý kiểm kê, kế toán tiến hành khóa sổ kế toán và lập bảng cân đối số phát sinh sau kiểm kê.

Căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh là số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ của từng tài khoản trên sổ kế toán(sổ cái các tài khoản).

Sau đây là số liệu kế toán năm 2011 của công ty TNHH Sơn Cường minh họa cho các bước trong khâu chuẩn bị lập Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty. Kết quả kết chuyển số phát sinh của TK đầu 5 đến đầu 9 năm 2011 như sau:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Công ty TNHH Sơn Cường

Địa chỉ: 01 Thọ Xuân –TT Núi Đồi- Kiến Thụy- Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ:</i>		-	-
003	27.6.2011	Bàn giao công trình chợ Núi Đồi	131		272.360.000
PKT 40	30.6.2011	K/c Doanh thu bán hàng T6	911	272.360.000	
004	4.7.2011	Bàn giao công trình đê biển	131		208.058.636
PKT 46	30.7.2011	K/c Doanh thu bán hàng T7	911	208.058.636	
PT 09	15.11.2011	Doanh thu công trình BT 38B	131		303.372.642
PKT 95	30.11.2011	K/c Doanh thu bán hàng T11	911	303.372.642	
006	21.12.2011	Bàn giao công trình phòng ăn Nguyễn Du	111		79.079.733
007	25.12.2011	San lấp mặt bằng khu tái định cư	131		97.500.000
PKT 198	31.12.2011	K/c Doanh thu bán hàng T12	911	176.579.733	
		Cộng phát sinh:		960.371.011	960.371.011
		Dư cuối kỳ:		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Sổ cái TK 511 năm 2011 do Phòng Kế toán cung cấp)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Công ty TNHH Sơn Cường

Địa chỉ: 01 Thọ Xuân – TT Núi Đồi- Kiên Thụy- Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN **Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính** *Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011*

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ:</i>		-	-
BSK	31.1.2011	Ngân hàng bảo lãi tiền gửi T1	112		211.900
PKT10	31.1.2011	K/c doanh thu hoạt động tài chính T1	911	211.900	
BSK	28.2.2011	Ngân hàng bảo lãi tiền gửi T2	112		8.800
PKT 21	28.2.2011	K/c doanh thu hoạt động tài chính T2	911	8.800	
BSK	31.3.2011	Ngân hàng bảo lãi tiền gửi T3	112		17.700
PKT 30	31.3.2011	K/c doanh thu hoạt động tài chính T3	911	17.700	
BSK	29.4.2011	Ngân hàng bảo lãi tiền gửi T4	112		9.400
PKT 36	29.4.2011	K/c doanh thu hoạt động tài chính T4	911	9.400	
BSK	30.7.2011	Ngân hàng bảo lãi tiền gửi T7	112		10.300
PKT 52	30.7.2011	K/c doanh thu hoạt động tài chính T7	911	10.300	
BSK	31.8.2011	Ngân hàng bảo lãi tiền gửi T8	112		32.600
PKT 65	31.8.2011	K/c doanh thu hoạt động tài chính T8	911	32.600	
BSK	30.9.2011	Ngân hàng bảo lãi tiền gửi T9	112		5.200
PKT 76	30.9.2011	K/c doanh thu hoạt động tài chính T9	911	5.200	
BSK	31.10.2011	Ngân hàng bảo lãi tiền gửi T10	112		46.318

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

PKT 84	31.10.2011	K/c doanh thu hoạt động tài chính T10	911	46.318	
BSK	30.11.2011	Ngân hàng báo lãi tiền gửi	112		428.574
PKT 98	30.11.2011	K/c doanh thu hoạt động tài chính T11	911	428.574	
BSK	31.12.2011	Ngân hàng báo lãi tiền gửi	112		541.849
PKT 199	31.12.2011	K/c Doanh thu hoạt động tài chính T12	911	541.849	
		Cộng phát sinh:		1.312.641	1.312.641
		Dư cuối kỳ:		-	-

Người ghi số

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Sổ cái TK 515 năm 2011 do Phòng Kế toán cung cấp)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Công ty TNHH Sơn Cường

Địa chỉ: 01 Thọ Xuân –TT Núi Đồi- Kiên Thụy- Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ:</i>		-	-
PKT 41	30.6.2011	Giá vốn công trình chợ Núi Đồi	154	100.600.000	
PKT 42	30.6.2011	K/c giá vốn công trình chợ Núi Đồi	911		100.600.000
PKT 53	30.7.2011	Giá vốn công trình đê biển	154	105.700.000	
PKT 54	30.7.2011	K/c giá vốn công trình đê biển	911		105.700.000
PKT 96	30.11.2011	Giá vốn công trình BT 38B	154	176.350.000	
PKT 97	30.11.2011	K/c giá vốn công trình BT 38B	911		176.350.000
PKT 145	31.12.2011	Giá vốn công trình phòng ăn Nguyễn Du	154	40.100.000	
PKT 146	31.12.2011	K/c giá vốn công trình phòng ăn Nguyễn Du	911		40.100.000
PKT 188	31.12.2011	Giá vốn công trình san lấp mặt bằng khu tái định cư	154	47.250.000	
PKT 189	31.12.2011	K/c giá vốn giá vốn công trình san lấp mặt bằng khu tái định cư	911		47.250.000
		<i>Cộng phát sinh:</i>		470.000.000	470.000.000
		<i>Dư cuối kỳ:</i>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Sổ cái TK 632 năm 2011 do Phòng Kế toán cung cấp)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Công ty TNHH Sơn Cường

Địa chỉ: 01 Thọ Xuân – TT Núi Đồi- Kiên Thụy- Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ:</i>		-	-
BSK	7.1.2011	Ngân hàng thu phí mua séc	112	9.750	
BSK	19.1.2011	Ngân hàng thu phí nhắn tin	112	15.000	
PKT 11	31.1.2011	K/c chi phí tài chính T1	911		24.750
BSK	16.2.2011	Ngân hàng thu phí nhắn tin	112	15.000	
PKT 22	28.2.2011	K/c chi phí tài chính T2	911		15.000
BSK	18.3.2011	Ngân hàng thu phí nhắn tin	112	15.000	
BSK	25.3.2011	Thu phí chuyển tiền	112	360.000	
BSK	31.3.2011	Thu phí KD	112	200.000	
BSK	31.3.2011	Thu phí giao dịch đảm bảo	112	60.000	
PKT 31	31.3.2011	K/c chi phí tài chính T3	911		635.000
BSK	19.4.2011	Ngân hàng thu phí nhắn tin	112	15.000	
PKT 37	30.4.2011	K/c chi phí tài chính T4	911		15.000
BSK	16.5.2011	Ngân hàng thu phí nhắn tin	112	15.000	
PKT 39a	31.5.2011	K/c chi phí tài chính T5	911		15.000
BSK	18.6.2011	Ngân hàng thu phí nhắn tin	112	15.000	
BSK	30.6.2011	Ngân hàng thu lãi	112	10.500.000	
PKT 43	30.6.2011	K/c chi phí tài chính T6	911		10.515.000

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

BSK	13.7.2011	Ngân hàng thu phí nhắn tin	112	15.000	
BSK	15.7.2011	Ngân hàng thu lãi	112	13.200.000	
BSK	18.7.2011	Phí giao dịch	112	40.000	
PKT 55	31.7.2011	K/c chi phí tài chính T7	911		13.255.000
BSK	12.8.2011	Ngân hàng thu phí nhắn tin	112	15.000	
BSK	15.8.2011	Ngân hàng thu lãi	112	10.100.000	
PKT 66	30.8.2011	K/c chi phí tài chính T8	911		10.115.000
BSK	14.9.2011	Ngân hàng thu phí nhắn tin	112	15.000	
BSK	20.9.2011	Ngân hàng thu lãi	112	9.500.000	
PKT 77	30.9.2011	K/c chi phí tài chính T9	911		9.515.000
BSK	13.10.2011	Ngân hàng thu phí nhắn tin	112	15.000	
BSK	15.10.2011	Ngân hàng thu lãi	112	10.250.000	
PKT 92	31.10.2011	K/c chi phí tài chính T 10	911		10.265.000
BSK	15.11.2011	Ngân hàng thu phí nhắn tin	112	15.000	
BSK	20.11.2011	Ngân hàng thu lãi	112	9.760.000	
PKT 99	30.11.2011	K/c chi phí tài chính T 11	911		9.775.000
BSK	10.12.2011	Ngân hàng thu phí nhắn tin	112	15.000	
BSK	15.12.2011	Ngân hàng thu lãi	112	5.859.033	
PKT 192	31.12.2011	K/c chi phí hoạt động tài chính T12	911		5.859.033
		Cộng phát sinh:		70.018.783	70.018.783
		Dư cuối kỳ:		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Sổ cái TK 635 năm 2011 do Phòng Kế toán cung cấp)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Công ty TNHH Sơn Cường

Địa chỉ: 01 Thọ Xuân –TT Núi Đồi- Kiến Thụy- Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ:</i>		-	-
PC 17	17.1.2011	Vé đi công tác trả bằng tiền mặt	111	12.192.000	
PKT 6	31.1.2011	Tính lương phải trả nhân viên văn phòng T1	334	18.910.000	
PKT 7	31.1.2011	Trích 16% BHXH cho khối CNVP T1	3383	3.025.600	
PKT 7	31.1.2011	Trích 3% BHYT cho khối CNVP T1	3384	567.300	
PKT 7	31.1.2011	Trích 1% BHTN cho khối CNVP T1	3389	189.100	
PKT 8	31.1.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp T1	911		34.884.000
PC 19	2.2.2011	Chi tiền tết	111	2.950.000	
PKT 11	28.2.2011	Tính lương phải trả nhân viên văn phòng T2	334	17.152.500	
PKT 12	28.2.2011	Trích 16% BHXH cho khối CNVP T2	3383	2.744.400	
PKT 12	28.2.2011	Trích 3% BHYT cho khối CNVP T2	3384	514.575	
PKT 12	28.2.2011	Trích 1% BHTN cho khối CNVP T2	3389	171.525	
PKT 23	28.2.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp T2	911		23.533.500
PC 21	8.3.2011	Thanh toán lệ phí xe ô tô	111	1.050.000	
PC 22	17.3.2011	Thanh toán phí bảo hiểm ô tô	111	17.895.000	
PC 23	23.3.2011	Thanh toán tiền phần mềm kế toán	111	5.022.000	

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

	
PKT 25	31.3.2011	Phân bổ CC DC	142	609.848	
PKT 32	31.3.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp T3	911		47.539.810
PC 25	13.4.2011	Trả tiền thay phụ tùng xe	111	1.493.600	
PKT 33	29.4.2011	Tính lương phải trả nhân viên văn phòng T4	334	17.125.000	
	
PKT 38	29.4.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp T4	911		22.652.900
PC 28	5.5.2011	Trả tiền mua xăng	111	7.321.169	
PC 29	10.5.2011	Thanh toán tiền thiết kế logo hóa đơn	111	500.000	
	
PKT 39	30.5.2011	Phân bổ CC DC	142	609.848	
PKT 39b	30.5.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp T5	911		29.903.950
PC 32	1.6.2011	Thanh toán tiền in hóa đơn	111	1.900.000	
	
PKT 44	30.6.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp T6	911		22.994.645
	
PC 41	21.7.2011	Thanh toán tiền điện	111	188.591	
	
PKT 45	31.7.2011	Phân bổ CC DC	142	609.848	
PKT 56	31.7.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp T7	911		20.112.000
PC 50	18.8.2011	Thanh toán tiền điện	111	190.722	
PKT 60	31.8.2011	Tính lương phải trả nhân viên văn phòng T8	334	16.500.000	
PKT 61	31.8.2011	Trích 16% BHXH cho khối CNVP T8	3383	2.640.000	
	

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

PKT 63	31.8.2011	Phân bổ công cụ dụng cụ	142	609.848	
PKT 64	31.8.2011	Khấu hao TSCĐ	214	21.500.000	
PKT 67	31.8.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp T8	911		40.035.000
PC46	6.9.2011	Trả tiền thay dầu máy xe ô tô	111	1.720.330	
PC 47	8.9.2011	Trả tiền điện thoại bằng tiền mặt	111	188.218	
	
PKT 78	30.9.2011	Khấu hao TSCĐ	214	21.500.000	
PKT 79	30.9.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp T9	911		42.313.800
	
020347	5.10.2011	Mua văn phòng phẩm	331	1.250.000	
PC 50	8.10.2011	Thanh toán vé đi công tác	111	3.100.000	
	
PKT 81	30.10.2011	Phân bổ công cụ dụng cụ	142	609.848	
PKT 82	30.10.2011	Khấu hao TSCĐ	214	21.500.000	
PKT 86	30.10.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp T10	911		43.275.100
PC 50	17.11.2011	Trả tiền thay dầu ô tô	111	1.665.330	
	
PKT 101	30.11.2011	Phân bổ công cụ dụng cụ	142	609.848	
PKT 104	30.11.2011	Khấu hao TSCĐ	214	32.500.000	
PKT 105	30.11.2011	Tính lương phải trả nhân viên văn phòng T11	334	22.410.000	
PKT 106	30.11.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911		40.623.500
	
04509	3.12.2011	Sửa chữa ô tô	331	7.256.000	
PC 56	6.12.2011	Thanh toán tiền in hóa đơn	111	1.200.000	

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

	
PKT 105	31.12.2011	Tính lương phải trả nhân viên văn phòng T12	334	16.500.000	
PKT 106	31.12.2011	Trích 16% BHXH cho khối CNVP T12	3383	2.640.000	
PKT 106	31.12.2011	Trích 3% BHYT cho khối CNVP T12	3384	495.000	
PKT 106	31.12.2011	Trích 1% BHTN cho khối CNVP T12	3389	165.000	
PKT 118	31.12.2011	Phân bổ công cụ dụng cụ	142	609.848	
PKT 121	31.12.2011	Khấu hao TSCĐ	214	32.500.000	
PKT 191	31.12.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911		47.041.841
		Cộng phát sinh:		414.930.046	414.930.046
		Dư cuối kỳ:		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Sổ cái TK 642 năm 2011 do Phòng Kế toán cung cấp)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Công ty TNHH Sơn Cường

Địa chỉ: 01 Thọ Xuân – TT Núi Đồi- Kiến Thụy- Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 811- Chi phí khác

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ:</i>		-	-
PKT 180	31.12.2011	K/c thuê môn bài sang chi phí	3338	3.000.000	
PKT 195	31.12.2011	K/c chi phí khác	911		3.000.000
		<i>Cộng phát sinh:</i>		3.000.000	3.000.000
		<i>Dư cuối kỳ:</i>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Sổ cái TK 811 năm 2011 do Phòng Kế toán cung cấp)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Công ty TNHH Sơn Cường

Địa chỉ: 01 Thọ Xuân –TT Núi Đồi- Kiến Thụy- Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 821- Chi phí thuế TNDN

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ:</i>		-	-
PKT 196	31.12.2011	Xác định thuế TNDN	3334	933.700	
PKT 197	31.12.2011	K/c thuế TNDN	911		933.700
		<i>Cộng phát sinh:</i>		933.700	933.700
		Dư cuối kỳ:		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Sổ cái TK 821 năm 2011 do Phòng Kế toán cung cấp)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Công ty TNHH Sơn Cường

Địa chỉ: 01 Thọ Xuân –TT Núi Đồi- Kiến Thụy- Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ:</i>		-	-
PKT 8	31.1.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	642	34.884.000	
PKT10	31.1.2011	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515		211.900
PKT 11	31.1.2011	K/c chi phí tài chính	635	24.750	
PKT 13	31.1.2011	K/c lỗ T1	421		34.696.850
PKT 21	28.2.2011	K/c doanh thu tài chính	515		8.800
PKT 22	28.2.2011	K/c chi phí tài chính	635	15.000	
PKT 23	28.2.2011	K/c chi phí quản lý	642	23.553.500	
PKT 25	28.2.2011	K/c lỗ T2	421		23.559.700
PKT 30	31.3.2011	K/c doanh thu tài chính	515		17.700
PKT 31	31.3.2011	K/c chi phí tài chính	635	635.000	
KT 32	31.3.2011	K/c chi phí quản lý	642	47.539.810	
PKT 33	31.3.2011	K/c lỗ T3	421		48.157.110
PKT 36	30.4.2011	K/c doanh thu tài chính	515		9.400
PKT 37	30.4.2011	K/c chi phí tài chính	635	15.000	

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

PKT 38	30.4.2011	K/c chi phí quản lý	642	22.652.900	
PKT 39	30.4.2011	K/c lỗ T4	421		22.658.500
PKT 39a	31.5.2011	K/c chi phí tài chính	635	15.000	
PKT 39b	31.5.2011	K/c chi phí quản lý	642	29.903.950	
PKT 39c	31.5.2011	K/c lỗ T5	421		29.918.950
PKT 40	30.6.2011	K/c doanh thu bán hàng	511		272.360.000
PKT 42	30.6.2011	K/c giá vốn	632	100.600.000	
PKT 43	30.6.2011	K/c chi phí tài chính	635	10.515.000	
PKT 44	30.6.2011	K/c chi phí quản lý	642	22.994.645	
PKT 45	30.6.2011	K/c lãi T6	421	138.250.355	
PKT 46	30.7.2011	K/c doanh thu bán hàng	511		208.058.636
PKT 52	30.7.2011	K/c doanh thu tài chính	515		10.300
PKT 54	30.7.2011	K/c giá vốn	632	105.700.000	
PKT 55	30.7.2011	K/c chi phí tài chính	635	13.255.000	
PKT 56	30.7.2011	K/c chi phí quản lý	642	20.112.000	
PKT 57	30.7.2011	K/c lãi T7	421	69.001.936	
PKT 65	31.8.2011	K/c doanh thu tài chính	515		32.600
PKT 66	31.8.2011	K/c chi phí tài chính	635	10.115.000	
PKT 67	31.8.2011	K/c chi phí quản lý	642	40.035.000	
PKT 68	31.8.2011	K/c lỗ T8	421		50.117.400
PKT 76	30.9.2011	K/c doanh thu tài chính	515		5.200
PKT 77	30.9.2011	K/c chi phí tài chính	635	9.515.000	
PKT 79	30.9.2011	K/c chi phí quản lý	642	42.313.800	
PKT 80	30.9.2011	K/c lỗ T9	421		51.823.600

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

PKT 84	31.10.2011	K/c doanh thu tài chính	515		46.318
PKT 85	31.10.2011	K/c chi phí tài chính	635	10.265.000	
PKT 86	31.10.2011	K/c chi phí quản lý	642	43.275.100	
PKT 87	31.10.2011	K/c lỗ T10	421		53.493.782
PKT 95	30.11.2011	K/c doanh thu bán hàng	511		303.372.642
PKT 98	30.11.2011	K/c doanh thu tài chính	515		428.574
PKT 97	30.11.2011	K/c giá vốn	632	176.350.000	
PKT 99	30.11.2011	K/c chi phí tài chính	635	9.775.000	
PKT 106	30.11.2011	K/c chi phí quản lý	642	40.623.500	
PKT 107	30.11.2011	K/c lãi T11	421	77.052.716	
PKT 190	31.12.2011	K/c giá vốn hàng bán	632	87.350.000	
PKT 192	31.12.2011	K/c chi phí hoạt động tài chính	635	5.874.033	
PKT 191	31.12.2011	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	642	47.042.841	
PKT 195	31.12.2011	K/c chi phí khác	811	3.000.000	
PKT 197	31.12.2011	K/c thuế TNDN	821	933.700	
PKT 198	31.12.2011	K/c Doanh thu bán hàng	511		176.579.733
PKT 199	31.12.2011	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	515		541.849
PKT 200	31.12.2011	K/c lãi T12	421	32.921.008	
		Cộng phát sinh:		1.276.109.544	1.276.109.544
		Dư cuối kỳ:		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Sổ cái TK 911 năm 2011 do Phòng Kế toán cung cấp)

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại
công ty TNHH Sơn Cường**

Mẫu số: B-02/DNN(Ban hành theo
quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011**

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH SƠN CƯỜNG

Mã số thuế: 0200449917

Địa chỉ trụ sở: 01 Thọ Xuân- TT Núi Đồi

Quận Huyện: Kiến Thụy

Tỉnh/ Thành phố: Hải Phòng

Điện thoại: 031 3881255

Fax:

Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	960.371.011	1.765.642.455
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	01			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10= 01-02)	10		960.371.011	1.765.642.455
4	Giá vốn hàng bán	11		470.000.000	1.519.754.000
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11)	20		490.371.011	245.888.455
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.312.641	885.300
7	Chi phí tài chính	22		70.018.783	36.767.373
	-Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		414.930.046	198.934.725
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+21-22-24)	30		6.734.823	47.463.267
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32		3.000.000	1.000.000
12	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.000.000)	(1.000.000)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.734.823	10.069.194
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		933.700	2.517.300
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN(60=50-51)	60		2.801.123	7.551.894

Lập ngày 13 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên)

2.3 Thực trạng tổ chức phân tích tài chính của công ty TNHH Sơn Cường thông qua báo cáo kết quả kinh doanh.

Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một trong những căn cứ quan trọng để ban lãnh đạo công ty có thể đánh giá toàn diện và sát thực về tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, hiện nay công ty TNHH Sơn Cường chưa thực hiện tổ chức phân tích báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Do vậy, để đảm bảo hoạt động kinh doanh trong tương lai được tốt hơn công ty cần thiết phải có quy trình phân tích báo cáo tài chính cụ thể, trước hết là báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SƠN CƯỜNG.

3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường.

3.1.1 Kết quả đạt được

3.1.1.1 Về tổ chức công tác kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty hiện nay được tổ chức theo mô hình tập trung. Mọi nhân viên trong phòng kế toán đều chịu sự chỉ đạo thống nhất, tập trung của kế toán trưởng. Mỗi kế toán viên được phân công phụ trách từng phần hành kế toán cụ thể đảm bảo nguyên tắc phân công đúng người, đúng việc, phát huy được trình độ, năng lực của mỗi người.

Việc tổ chức hạch toán kế toán đã đáp ứng được yêu cầu của công ty đề ra đó là:

-Đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế đảm bảo số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu, trong quá trình hạch toán thống nhất của số liệu ban đầu. Hơn nữa với sự giúp đỡ của máy tính, công tác kế toán của công ty đã giảm bớt tính phức tạp và khối lượng công việc kế toán. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán của công ty là phù hợp với một doanh nghiệp vừa và nhỏ.

-Có sự quản lý và trao đổi trực tiếp giữa Kế toán trưởng và Kế toán các phần hành, thông tin được cung cấp và tổng hợp một cách chính xác và kịp thời.

- Mọi thắc mắc về nghiệp vụ chuyên môn cũng như về chế độ kế toán, chính sách tài chính kế toán của Nhà nước đều được giải quyết một cách nhanh chóng, kịp thời.

-Kế toán trưởng có thể tham mưu trực tiếp cho các kế toán viên.

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung, đây là hình thức có mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, phù hợp với mô hình công ty vừa và nhỏ, loại hình kinh doanh không phức tạp.

Công ty luôn cập nhật các chuẩn mực, chế độ kế toán mới. Cụ thể khi có sự thay đổi về chế độ, chuẩn mực kế toán công ty luôn cử cán bộ kế toán đi tập huấn,

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

đảm bảo cho công tác kế toán của công ty luôn hoạt động hiệu quả và đúng với chuẩn mực, chế độ kế toán do bộ Tài chính ban hành.

Đồng thời công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động đi học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, phát huy tính sáng tạo và tinh thần học tập chính sự thống nhất trong công tác quản lý giữa các phòng ban trong công ty cũng như các phần hành kế toán trong bộ máy kế toán đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý.

Là một doanh nghiệp vừa và nhỏ công ty đã áp dụng đúng chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định 48 để thực hiện công tác kế toán là hoàn toàn phù hợp.

3.1.1.2 Về tổ chức lập báo cáo kết quả kinh doanh

-Tổ chức hệ thống kế toán và luân chuyển chứng từ được sắp xếp hợp lý, đảm bảo nguyên tắc, chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với khả năng trình độ của đội ngũ kế toán và với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

-Công ty cũng đã tuân thủ việc lập báo cáo tài chính nói chung và Báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng theo đúng quy định của Nhà nước. Ngoài ra, công ty luôn chấp hành đúng, đầy đủ các chính sách, chế độ kế toán tài chính của Nhà nước, thực hiện quyền và nghĩa vụ của một doanh nghiệp với Nhà nước.

3.1.2 Những mặt còn hạn chế

-Chưa ứng dụng phần mềm kế toán trong quá trình hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, công ty vẫn chỉ sử dụng máy tính đơn thuần để lưu trữ, tính toán số liệu, vì vậy chưa giảm bớt được thời gian trong khâu lập sổ sách và Báo cáo tài chính.

- Chưa tiến hành tạm tính thuế TNDN cuối mỗi quý.

- Tổ chức phân tích báo cáo kết quả kinh doanh của công ty còn có hạn chế là cho đến nay công ty vẫn chưa tiến hành phân tích Báo cáo tài chính nói chung cũng như phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng.

Tuy những hạn chế đó không ảnh hưởng lớn đến quá trình hạch toán kế toán của công ty nhưng nếu khắc phục được những nhược điểm đó sẽ phát huy được một cách tối đa hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần nâng cao

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

chất lượng công tác quản lý kinh tế của công ty cũng như việc điều hành sản xuất kinh doanh được phù hợp hơn.

3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường.

3.2.1 Giải pháp ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán tại công ty.

Trong những năm gần đây công nghệ thông tin ngày càng phát triển, đã có những ứng dụng tiên tiến trong lĩnh vực kinh tế tài chính nói chung và ngành kế toán nói riêng. Những phần mềm kế toán rút ngắn thời gian tính toán, luân chuyển giữa các sổ mà vẫn đảm bảo độ chính xác, hợp lý. Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán, vừa dễ làm, vừa hiệu quả hơn so với lối hạch toán truyền thống. Để làm được như vậy công ty cần nâng cao trình độ tin học cho các nhân viên để đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Công ty có thể mua các phần mềm kế toán phù hợp với ngành nghề kinh doanh của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- ★ Phần mềm kế toán MISA của công ty Cổ phần MISA
- ★ Phần mềm kế toán SASINNOVA của công ty Cổ phần SASINNOVA
- ★ Phần mềm kế toán ACMAN của công ty Cổ phần ACMAN
- ★ Phần mềm kế toán EFFECT của công ty Cổ phần EFFECT
- ★ Phần mềm kế toán BRAVO của công ty Cổ phần BRAVO

.....

Tác dụng:

- Tiết kiệm sức lao động, giảm bớt được lượng thời gian và hiệu quả cao hơn.
- Việc xử lý, kiểm tra và cung cấp thông tin kinh tế- tài chính nhanh chóng, chính xác, kịp thời, đáp ứng yêu cầu thông tin trong nền kinh tế như hiện nay.
- Lưu trữ và bảo quản dữ liệu thuận lợi, an toàn.

3.2.2 Giải pháp xây dựng quy trình phân tích.

Công ty có thể tham khảo quy trình phân tích sau:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Bước 1: Bố trí nhân sự

Công ty TNHH Sơn Cường là công ty có quy mô vừa và nhỏ nên hiện tại chỉ cần 1 cán bộ thực hiện việc phân tích. Theo em, nên để kế toán trưởng thực hiện phân tích là phù hợp vì kế toán trưởng là người có trình độ cao nhất trong phòng kế toán, có kinh nghiệm nhiều năm và là người chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính nên hơn ai hết kế toán trưởng là người nắm rõ về các thông tin trên báo cáo tài chính nhất.

Không ngừng đào tạo các bộ phận phân tích tài chính thông qua các khóa huấn luyện của Bộ tài chính hay trung tâm đào tạo nghiệp vụ của các trường Đại học chuyên ngành.

Bổ sung kiến thức pháp luật, kịp thời tiếp nhận những thay đổi trong chính sách kế toán và chuẩn mực kế toán mới.

Bước 2: Thu thập thông tin

Sưu tầm những tài liệu phục vụ cho tổ chức phân tích như:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm trước: 2009, 2010.
- Các tài liệu khác như: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, định hướng phát triển trong những năm tới...
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của những doanh nghiệp cùng ngành...

Bước 3: Lựa chọn phương pháp phân tích

Công ty có thể sử dụng 2 phương pháp:

- Phương pháp so sánh.
- Phương pháp tỷ số.

Bước 4: Lựa chọn nội dung phân tích

Công ty có thể phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo các nội dung sau:

- Đánh giá khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Đánh giá sơ bộ kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận.
- Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng.

Bước 5: Tiến hành phân tích

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

- Xử lý tài liệu sưu tầm được, lập các bảng phân tích số liệu, tính toán các chỉ tiêu, so sánh các chỉ tiêu đó qua các năm, đánh giá ảnh hưởng của các chỉ tiêu đó.
- Tiến hành phân tích: trên cơ sở các phương pháp phân tích đã lựa chọn ở bước trên, tiến hành phân tích theo nội dung đã dự kiến.
- Tổng hợp kết quả và rút ra kết luận: sau khi phân tích, tiến hành lập các bảng đánh giá tổng hợp, đánh giá chi tiết...

Trên cơ sở tổng hợp những kết quả đã phân tích cần rút ra những nhận xét, đánh giá, những thành tích đạt được, những tồn tại cần khắc phục trong hoạt động tài chính.

Bước 6: Báo cáo kết quả phân tích

Báo cáo kết quả phân tích được trình bày, thuyết minh cho ban lãnh đạo công ty, lãnh đạo các phòng ban chức năng trong công ty để cùng trao đổi, thống nhất ý kiến trong báo cáo phân tích đó.

3.2.3 Thực hiện các nội dung phân tích.

- ❖ ***Đánh giá khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011***

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

BẢNG PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUA CÁC NĂM

(Trong 3 năm 2009, 2010, 2011)

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	So với D.thu thuần (%)			2010-2009		2011-2010	
				2009	2010	2011	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
1. Doanh thu từ BH& CCDV	3.422.698.546	1.765.642.455	960.371.011	100	100	100	(1.657.056.091)	(48,41)	(805.271.444)	(45,71)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				0	0	0	0		0	
3. Doanh thu thuần từ BH& CCDV	3.422.698.546	1.765.642.455	960.371.011	100	100	100	(1.657.056.091)	(48,41)	(805.271.444)	(45,71)
4. Giá vốn hàng bán	2.685.397.000	1.519.754.000	470.000.000	78,46	86,07	48,94	(1.165.643.000)	(43,41)	(1.049.754.000)	(69,07)
5. Lợi nhuận gộp	737.301.546	245.888.455	490.371.011	21,54	13,93	51,06	(491.413.091)	(66,65)	244.482.556	99,43
6. Doanh thu hoạt động TC	1.238.554	885.300	1.312.641	0,04	0,05	0,14	(353.254)	(28,52)	427.341	48,27
7. Chi phí tài chính	124.865.646	36.767.373	70.018.783	3,65	2,08	7,29	(88.098.273)	(70,55)	33.251.410	90,44
8. Chi phí quản lý kinh doanh	586.751.064	198.934.725	414.930.046	17,14	11,27	43,21	(387.816.339)	(66,09)	215.995.321	108,58
9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	26.923.390	11.071.657	6.734.823	0,79	0,63	0,7	(15.851.733)	(58,88)	(4.336.834)	(39,17)
10. Thu nhập khác	0	0	0							
11. Chi phí khác	1.000.000	1.000.000	3.000.000	0,03	0,06	0,31	0	0	2.000.000	200
12. Lợi nhuận khác	(1.000.000)	(1.000.000)	(3.000.000)	(0,03)	(0,06)	(0,31)	0	0	(2.000.000)	(200)
13. Tổng lợi nhuận trước thuế	25.923.390	10.071.657	3.734.823	0,76	0,57	0,39	(15.851.733)	(61,15)	(6.336.834)	(62,92)
14. Chi phí thuế TNDN	6.480.848	2.517.914	933.700	0,19	0,14	0,09	(3.962.934)	(61,15)	(1.584.214)	(62,92)
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.442.542	7.553.743	2.801.123	0,57	0,43	0,29	(11.888.799)	(61,15)	(4.752.620)	(62,92)

(Trích nguồn Báo cáo tài chính của công ty trong 3 năm 2009, 2010, 2011)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Trước khi đi phân tích từng chỉ tiêu tài chính của công ty cần xem xét kết quả về sự biến động tình hình tài chính của công ty các năm gần đây.

Đầu tiên là tỷ lệ các chỉ tiêu so với doanh thu thuần trong các năm vừa qua để thấy được sự biến động của tỷ lệ doanh thu, chi phí so với doanh thu thuần qua các năm.

Để có 100 đồng doanh thu thuần năm 2009, công ty phải bỏ ra 78,46 đồng giá vốn hàng bán; 3,65 đồng chi phí tài chính; 17,14 đồng chi phí quản lý kinh doanh và đến năm 2010 để có 100 đồng doanh thu thuần công ty phải bỏ ra 86,07 đồng giá vốn hàng bán; 2,08 đồng chi phí tài chính; 11,27 đồng chi phí quản lý kinh doanh.

Nhưng đến năm 2011, để có 100 đồng doanh thu thuần công ty chỉ phải bỏ ra 48,94 đồng giá vốn hàng bán; 7,29 đồng chi phí tài chính; 43,21 đồng chi phí quản lý kinh doanh. Chi phí quản lý kinh doanh có sự tăng đột biến so với năm 2009 và 2010.

Như vậy, để cùng đạt được 100 đồng doanh thu thuần trong mỗi năm thì giá vốn hàng bán năm 2009 tăng so với năm 2010 và chiếm hơn 82% chi phí bỏ ra trong kỳ nhưng lại giảm xuống ở năm 2011, chỉ chiếm 48,94%. Còn chi phí quản lý kinh doanh năm 2010 giảm so với năm 2009 nhưng đến năm 2011 lại tăng đáng kể so với năm 2009, 2010.

Sự giảm của giá vốn hàng bán làm cho lợi nhuận gộp năm 2011 là cao nhất. Cứ 100 đồng doanh thu thuần trong năm 2011 thì đem lại 51,06 đồng lợi nhuận gộp, năm 2010 giảm xuống là 13,93 đồng lợi nhuận gộp, năm 2009 thì đem lại 21,54 đồng lợi nhuận gộp. Do trong năm 2011 công ty hoàn thành được ít công trình, còn rất nhiều công trình dở dang làm cho giá vốn hàng bán của công ty giảm đáng kể.

Giá vốn của năm 2011 giảm mạnh so với năm 2010 song chi phí quản lý kinh doanh lại tăng so với năm 2010: $43,21 - 11,27 = 31,94$ đồng làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh có tăng nhưng không đáng kể 0,07 đồng ($= 0,7 - 0,63$ đồng).

Trong năm 2009 cứ 100 đồng doanh thu thuần đem lại 0,57 đồng lợi nhuận sau thuế, năm 2010 cứ 100 đồng doanh thu thuần đem lại 0,43 đồng lợi nhuận sau thuế, giảm 0,14 đồng so với năm 2009. Đến năm 2011 con số này tiếp tục giảm, cứ 100 đồng doanh thu thuần đem lại được 0,29 đồng lợi nhuận sau thuế giảm 0,14 đồng so với năm 2010.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Qua phân tích khái quát kết quả hoạt động kinh doanh của công ty ta nhận thấy hoạt động của công ty trong năm 2011 đã có lãi song không nhiều mà còn bị giảm với những năm trước. Do đó công ty phải cố gắng phát triển tốt hoạt động kinh doanh của mình trong những năm tới và công ty nên xem xét tìm giải pháp nâng khả năng kiểm soát các khoản chi phí của mình để đạt hiệu quả hoạt động cao hơn nữa trong những kỳ tiếp theo.

*** Qua số liệu so sánh của năm 2010 và năm 2011, ta có thể đưa ra 1 số nhận xét sau:**

-Tổng doanh thu năm 2011 giảm đi so với năm 2010 là 805.271.444 đồng tương ứng với 45,71%. Nguyên nhân giảm của chỉ tiêu này là:

Do năm 2011 công ty chịu tác động của nền kinh tế thế giới nói chung, kéo theo nền kinh tế Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ. Mặt khác do giá cả của một số yếu tố đầu vào như nguyên vật liệu, điện, nước.... tăng lên và biến đổi không ngừng làm cho giá thành của sản phẩm cũng tăng lên.

-So với năm 2010, năm 2011 giá vốn hàng bán giảm đi 1.049.754.000 đồng tương đương với 69,07%. Nguyên nhân giảm của chỉ tiêu này là:

Do khối lượng công trình nhận được và hoàn thành năm 2011 giảm đi so với năm 2010. Việc khối lượng công trình nhận được và hoàn thành giảm làm giá vốn hàng bán giảm đi là điều tất nhiên.

-Lợi nhuận gộp năm 2011 tăng so với năm 2010 là 244.482.556 đồng tương đương 99,43%. Nguyên nhân tăng của chỉ tiêu này là:

Do tốc độ giảm của Doanh thu chậm hơn so với tốc độ giảm của giá vốn hàng bán.

-Doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2011 tăng lên so với năm 2010 là 427.341 đồng tương đương 4,27%. Tuy tăng lên nhưng chỉ tiêu này vẫn chiếm một phần rất nhỏ trong lợi nhuận của công ty.

-Chi phí hoạt động tài chính(chi phí lãi vay) năm 2011 tăng so với năm 2010 là 33.251.410 đồng tương đương 90,44%. Nguyên nhân tăng của chỉ tiêu này : Khủng hoảng kinh tế làm cho tình hình huy động vốn gặp nhiều khó khăn và để đáp ứng kịp thời cho việc sản xuất kinh doanh công ty đã phải trả khoản lãi vay rất lớn tăng so với các năm trước.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

-So với năm 2010 chi phí quản lý kinh doanh của năm 2011 tăng lên 215.995.321 đồng tương đương 108,58%. Nguyên nhân của sự tăng này, vì trong năm 2011 doanh nghiệp có mua mới 1 ô tô nên mất thêm nhiều chi phí cho TSCĐ này. Do khủng hoảng kinh tế toàn cầu, chi phí đào tạo nhân viên quản lý, chi phí tiền lương tăng lên. Ngoài ra tài sản cố định phục vụ cho khối văn phòng năm 2011 công ty phải sửa chữa nhiều, đây cũng là điểm cần khắc phục của công ty.

-Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2011 giảm so với năm 2010 là 4.336.834 đồng tương đương với 39,17%. Nguyên nhân giảm của chỉ tiêu này là do: Chỉ tiêu này được tính bằng chỉ tiêu lợi nhuận gộp trừ đi chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh vì vậy chỉ tiêu này biến động theo các nguyên nhân gây nên sự biến động của các chỉ tiêu lợi nhuận thuần và chi phí quản lý kinh doanh. Trong năm 2011 lợi nhuận gộp của công ty tăng tuy nhiên tốc độ tăng của chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp cao hơn nên dẫn đến chỉ tiêu này giảm.

Chi phí khác năm 2011 tăng 2.000.000 đồng tương ứng 200% nguyên nhân do chi phí thuế môn bài của công ty tăng lên.

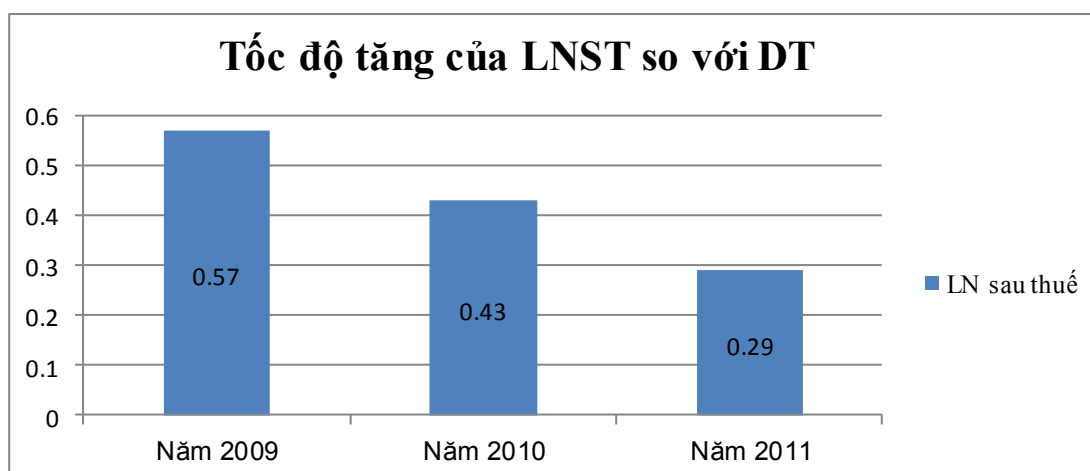
Lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2011 giảm so với năm 2010 là 4.752.620 đồng tương đương 62,92%. Điều này cho thấy công ty cần quản lý tốt công tác quản lý chi phí, cần tìm nhiều biện pháp thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế*

Chỉ tiêu	So với Doanh thu thuần (%)			Năm 2010 so với năm 2009		Năm 2011 so với năm 2010	
	2009	2010	2011	Số tiền	%	Số tiền	%
Doanh thu thuần	100	100	100	(1.657.056.091)	(48,41)	(805.271.444)	(45,71)
Lợi nhuận sau thuế	0,57	0,43	0,29	(11.888.799)	(61,15)	(4.752.620)	(62,92)

Qua bảng tính trên ta thấy mức biến động lợi nhuận sau thuế của công ty 2010 so với năm 2009 giảm đi 11.888.799 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 61,15% đến năm 2011 lợi nhuận sau thuế tiếp tục giảm 4.752.620 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 62,92%. Dưới đây là biểu đồ về tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế so với doanh thu.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường



Qua biểu đồ trên ta thấy tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế so với doanh thu năm 2010 so với năm 2009 giảm, cụ thể năm 2009 cứ 100 đồng doanh thu thì thu được 0,57 đồng lợi nhuận sau thuế, đến năm 2010 thì cứ 100 đồng doanh thu thì thu về 0,43 đồng và đến năm 2011 thì lợi nhuận lại tiếp tục giảm, 100 đồng doanh thu thu được 0,29 đồng lợi nhuận, giảm so với năm 2010 là 0,14 đồng. Điều này cho thấy năm 2011 công ty hoạt động kinh doanh kém hiệu quả hơn năm 2009, 2010.

**** Các nhân tố làm giảm lợi nhuận sau thuế(LNST) của công ty năm 2011 (ĐVT: đồng)***

- Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh giảm làm LNST giảm	805.271.444 đồng
- Chi phí tài chính tăng làm LNST giảm	33.251.410 đồng
- Chi phí quản lý kinh doanh tăng làm LNST giảm	215.995.321 đồng
- Chi phí khác tăng làm LNST giảm	2.000.000 đồng
Tổng cộng giảm:	1.056.518.175 đồng

**** Các nhân tố làm tăng lợi nhuận sau thuế(LNST) của công ty năm 2011(ĐVT: đồng)***

- Giá vốn hàng bán giảm làm LNST tăng	1.049.754.000 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng làm LNST tăng	427.341 đồng
- Chi phí thuế TNDN giảm làm LNST tăng	1.584.214 đồng
Tổng cộng tăng:	1.051.765.555 đồng

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

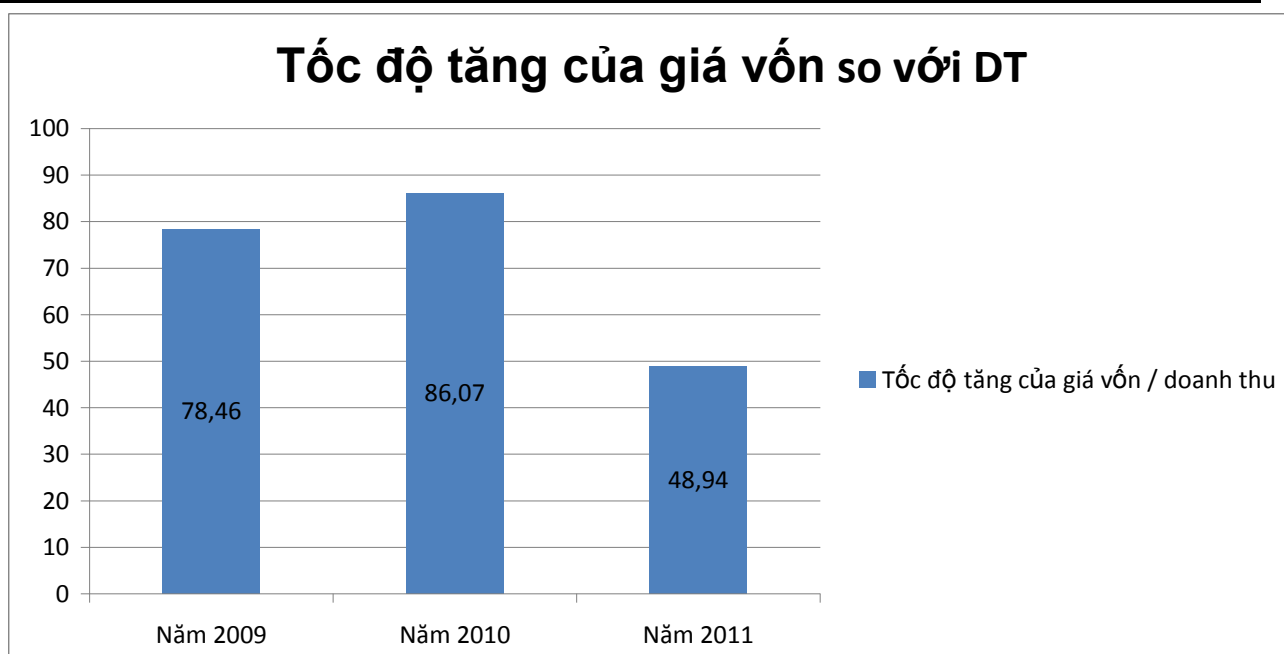
Sau khi bù trừ các nhân tố tăng và giảm ta thấy lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2011 giảm so với năm 2010 là 4.752.620 đồng điều đó cho thấy khả năng tích lũy của doanh nghiệp có chiều hướng đi xuống.

Qua bảng so sánh số liệu trên ta thấy lợi nhuận của công ty năm 2011 giảm so với năm 2010. Trong các khoản mục làm giảm lợi nhuận sau thuế phải kể đến khoản mục giảm doanh thu bán hàng. Đây là nhân tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp và rất lớn đến lợi nhuận sau thuế của công ty. Điều này vừa là do điều kiện khách quan là chịu ảnh hưởng khủng hoảng nền kinh tế và chủ quan do công ty chưa đưa được giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và chưa có kế hoạch dài hơi trong tương lai.

- *Ảnh hưởng của giá vốn hàng bán:*

Từ số liệu báo cáo kết quả kinh doanh của công ty qua 3 năm 2009, 2010, 2011 ta lập được bảng tình hình giá vốn của công ty trong các năm sau.

Chỉ tiêu	So với Doanh thu thuần (%)			Năm 2010 so với năm 2009		Năm 2011 so với năm 2010	
	2009	2010	2011	Số tiền	%	Số tiền	%
Doanh thu thuần	100	100	100	(1.657.056.091)	(48.41)	(805.271.444)	(45.71)
Giá vốn hàng bán	78.46	86.07	48.94	(1.165.643.000)	(43.41)	(1.049.754.000)	(69.07)



Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Qua bảng phân tích và đồ thị về tốc độ tăng của giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần ta thấy:

Năm 2009 tỉ trọng giá vốn trên doanh thu là 78,46%. Năm 2010 tỉ trọng giá vốn hàng bán trong doanh thu là 86,07%; tăng 7,61 % so với năm 2009. Giá vốn hàng bán năm 2010 giảm so với năm 2009 là 1.165.643.000 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 43,41% thấp hơn tốc độ giảm của doanh thu. Ta xét tỷ số giữa tốc độ giảm của giá vốn với tốc độ giảm của doanh thu ta có $43,41\%/48,41\% = 0,897 < 1$ chứng tỏ tốc độ giảm của giá vốn hàng bán có tăng nhưng không đáng kể và vẫn ở mức thấp so với doanh thu. Điều đó dẫn đến lãi gộp năm 2010 so với năm 2009 giảm 491.413.091 đồng tương ứng với tỷ lệ là 66,65%.

Năm 2011 so với năm 2010, giá vốn hàng bán giảm 1.049.754.000 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 69,07% , xét tỷ số giữa tốc độ giảm của giá vốn với tốc độ giảm doanh thu ta có $91,51\%/45,71\% = 2,001 > 1$. Tốc độ giảm của giá vốn lớn hơn tốc độ giảm của doanh thu làm cho lợi nhuận gộp của công ty năm 2011 tăng đáng kể so với năm 2010. Năm 2011 so với năm 2010 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán đều có xu hướng giảm nhưng tốc độ giảm của giá vốn lớn hơn tốc độ giảm của doanh thu làm lợi nhuận gộp tăng thêm được 244.482.556 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 99,43%.

Nhìn chung qua 3 năm 2009 – 2011 giá vốn hàng bán có chiều hướng giảm dần. Đây là dấu hiệu tốt chứng tỏ công ty đã có những chính sách đúng đắn trong việc giảm chi phí. Song trong những năm tới công ty vẫn phải tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ, tăng doanh thu góp phần làm tăng lợi nhuận của công ty.

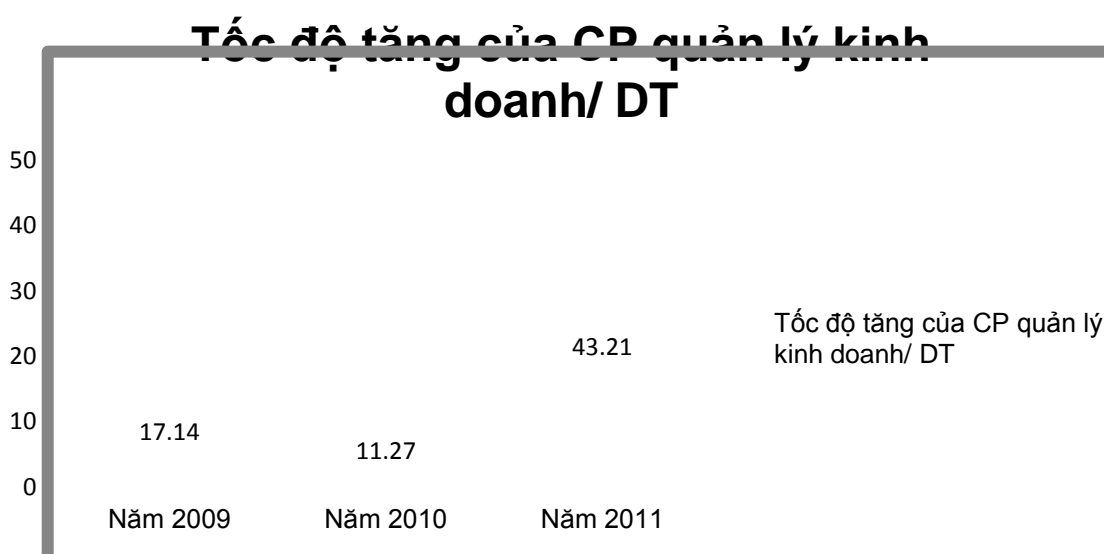
- ***Ảnh hưởng của chi phí quản lý kinh doanh***

Chi phí quản lý kinh doanh là chi phí khó kiểm tra và rất dễ dẫn đến việc biến thủ, thất thoát và làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh, vậy chi phí quản lý kinh doanh đã hợp lý hay chưa, chỉ tiêu tốc độ phát triển của doanh thu sẽ cho ta thấy cái nhìn cụ thể.

Từ các số liệu báo cáo kết quả kinh doanh của công ty trong 3 năm 2009, 2010, 2011 chúng ta lập được bảng kết quả tổng hợp chi phí quản lý kinh doanh của công ty như sau.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Chỉ tiêu	So với Doanh thu thuần (%)			Năm 2010 so với năm 2009		Năm 2011 so với năm 2010	
	2009	2010	2011	Số tiền	%	Số tiền	%
Doanh thu thuần	100	100	100	(1.657.056.091)	(48.41)	(805.271.444)	(45.71)
Chi phí quản lý kinh doanh	17.14	11.27	43.21	(387.816.339)	(66.09)	215.995.321	108.58



Trong giai đoạn từ năm 2009- 2010 chi phí quản lý kinh doanh có xu hướng giảm xuống, cụ thể giảm 387.816.339 đồng tương ứng 66,09%. Ta xét tỉ số giữa tốc độ giảm của chi phí quản lý kinh doanh với tốc độ giảm của doanh thu bán hàng ta có: $66,09\%/48,41\%=1,37 > 1$. Chứng tỏ tốc độ giảm của chi phí quản lý kinh doanh lớn hơn tốc độ giảm của doanh thu. Đây được coi là ưu điểm của công ty trong công tác quản lý chi phí, góp phần làm tăng lợi nhuận cho công ty. Vì vậy trong thời gian tới cần phát huy hơn nữa.

Trong năm 2011 so với năm 2010, chi phí quản lý kinh doanh tăng 215.995.321 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 108,58%. Nguyên nhân là do tốc độ chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao, mà tốc độ tăng của doanh thu thuần tăng chậm hơn so với tốc độ tăng của chi phí quản lý kinh doanh. Nguyên nhân tăng của chi phí này chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

- Do khủng hoảng kinh tế toàn cầu nên làm chi phí quản lý tăng cao.
- Chi phí đào tạo nghiệp vụ, đào tạo trình độ cho các nhân viên quản lý trong công ty tăng.
- Tăng chi phí đăng ký nhãn hiệu, logo.
- Chi phí tiền lương tăng.
- Chi phí công tác của cán bộ nhân viên công ty tăng.

Từ việc phân tích các chỉ số về tốc độ tăng của các yếu tố chi phí so với tốc độ tăng của doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh ta thấy:

Doanh thu năm 2011 là thấp nhất, tuy tốc độ giảm của giá vốn đến năm 2011 cao hơn tốc độ giảm của doanh thu thuần nhưng tốc độ tăng của chi phí là quá cao so với tốc độ tăng của doanh thu thuần nên vẫn làm cho lợi nhuận của doanh nghiệp giảm, dù doanh nghiệp có lãi nhưng không nhiều.

❖ Đánh giá sơ bộ kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận.

Loại hoạt động	Doanh thu		Chi phí		Lợi nhuận	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
1. Hoạt động SXKD	960.371.011	99,86%	884.930.046	92,38%	75.440.965	2019,94%
2. Hoạt động tài chính	1.312.641	0,14%	70.018.783	7,31%	(68.706.142)	(1839,61%)
3. Hoạt động khác	0	0%	3.000.000	0,31%	(3.000.000)	(80,33%)
Tổng cộng	961.683.652	100%	957.948.829	100%	3.734.823	100%

Qua bảng đánh giá kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận của công ty ta thấy trong năm 2011 doanh thu từ hoạt động kinh doanh của công ty chiếm gần 100% đây là một tỷ lệ rất lớn, doanh thu hoạt động tài chính chiếm tỷ lệ rất nhỏ 0,14% và hoạt động khác không phát sinh. Bên cạnh đó chi phí hoạt động kinh doanh chiếm 92,38% thấp hơn tỷ lệ của doanh thu do đó làm cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lãi 75.440.965 đồng tương ứng với tỷ lệ 2019,94% tổng lợi nhuận

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

kế toán trước thuế. Có được khoản lợi nhuận đó là do trong năm vừa qua công ty đã hoạt động kinh doanh khá tốt, ký được nhiều hợp đồng có giá trị cao về khảo sát xây dựng, san lấp mặt bằng như xây dựng công trình chợ Núi Đồi, công trình khu tái định cư huyện Kiến Thụy, san lấp mặt bằng công trình đê biển... Thêm vào đó công ty cũng thu được một khoản doanh thu nhỏ về hoạt động tài chính 1.312.641 đồng chiếm tỷ lệ nhỏ 0,14%, song chi phí tài chính lại khá lớn 70.018.783 đồng chiếm tỉ lệ 7,31% tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, làm cho lợi nhuận từ hoạt động tài chính bị lỗ 68.706.142 đồng tương ứng 1839,61% tổng lợi nhuận kế toán trước thuế. Thu nhập hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là thu lãi tiền gửi, trong khi đó chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp chủ yếu là chi phí lãi vay thì lại rất cao. Đặc biệt trong năm 2011 nền kinh tế thế giới kém phát triển, điều này đẩy khoản chi phí do lãi vay tăng rất cao ảnh hưởng lớn tới lợi nhuận của công ty. Và lợi nhuận từ hoạt động khác của công ty bị lỗ 3.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ (80,33)% tổng lợi nhuận kế toán trước thuế do doanh thu của hoạt động khác trong năm không phát sinh mà chi phí của hoạt động này lại phát sinh. Chính điều này mà công ty cần tìm hiểu và đầu tư vào các hoạt động tài chính và hoạt động khác, để cải thiện tình hình trên, công ty nên:

- Tìm hiểu các thông tin về danh mục các loại hoạt động tài chính trên thị trường.

- Cần sử dụng tỉ trọng vốn chủ nhiều hơn để giảm bớt chi phí lãi vay, để lợi nhuận của công ty không bị ảnh hưởng quá nhiều do chi phí của hoạt động tài chính.

- Ban lãnh đạo công ty cần phát huy tính năng động trong việc phát triển, mở rộng các hoạt động đầu tư tài chính.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán về hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác ngay từ khâu chứng từ, bảng biểu kế toán, các tài liệu chi tiết liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác của công ty.

- Cuối niên độ kế toán hoặc khi kết thúc từng hoạt động đầu tư cần tiến hành phân tích để đánh giá kết quả đạt được của các hoạt động này, qua đó nhằm rút ra các bài học kinh nghiệm trong việc đầu tư vào hoạt động tài chính nào cao nhất.

- Xây dựng, tuyển chọn đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn, có trình độ, biết thu thập và vận dụng phương pháp xử lý thông tin phù hợp, nhạy bén, năng

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

động. Đồng thời biết lựa chọn danh mục đầu tư hợp lý để giảm thiểu rủi ro trong quá trình đầu tư.

❖ Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng

Các số liệu phân tích trên báo cáo kết quả kinh doanh của công ty chưa phản ánh được hết tình trạng tài chính của công ty, do vậy phân tích tài chính của công ty thông qua các chỉ tiêu tài chính hiện tại và năm trước là vấn đề quan trọng đối với việc đưa ra quyết định của ban lãnh đạo công ty. Thông qua các chỉ tiêu này, ban lãnh đạo công ty tìm ra các điểm yếu cần khắc phục cũng như những tiềm năng cần phát huy để vạch ra kế hoạch tài chính thích hợp cho việc gia tăng lợi nhuận và phát triển công ty.

➤ Các chỉ số hoạt động

$$1. \text{ Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Các khoản phải thu bình quân}}$$

$$\text{Năm 2010} = \frac{1.765.642.455}{885.825.227} = 2$$

$$\text{Năm 2011} = \frac{960.371.011}{870.011.751} = 1$$

$$3. \text{ Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

$$\text{Năm 2010} = \frac{1.765.642.455}{1.039.615.209} = 1,7$$

$$\text{Năm 2011} = \frac{960.371.011}{759.190.000} = 1,26$$

$$5. \text{ Vòng quay toàn bộ vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

$$\text{Năm 2010} = \frac{1.765.642.455}{2.129.280.000} = 0,83$$

$$\text{Năm 2011} = \frac{960.371.011}{1.586.378.700} = 0,61$$

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Bảng phân tích các chỉ số hoạt động

Chỉ tiêu	Cách xác định	Năm 2010	Năm 2011	Chênh lệch
1. Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	Doanh thu thuần	2	1	(1)
	Các khoản phải thu bình quân			
2. Kỳ thu tiền trung bình (ngày)	365 ngày	182,5	365	182,5
	Số vòng quay các khoản phải thu			
3. Vòng quay vốn lưu động (vòng)	Doanh thu thuần	1,7	1,26	(0,44)
	Vốn lưu động bình quân			
4. Số ngày một vòng quay vốn lưu động (ngày)	365 ngày	214,7	289,68	74,98
	Số vòng quay vốn lưu động			
5. Vòng quay toàn bộ vốn (vòng)	Doanh thu thuần	0,83	0,61	(0,22)
	Vốn kinh doanh bình quân			

+ Số vòng quay các khoản phải thu và kỳ thu tiền trung bình:

Số vòng quay các khoản phải thu cho biết mức độ hợp lý của số dư các khoản phải thu và hiệu quả của việc thu hồi nợ. Nếu số vòng luân chuyển các khoản phải thu càng tăng thì doanh nghiệp ít bị chiếm dụng vốn. Qua bảng phân tích, số vòng quay các khoản phải thu của năm 2010 là 2 vòng đến năm 2011 giảm xuống là 1 vòng, số vòng quay các khoản phải thu năm 2011 giảm so với năm 2010 là 1 vòng. Điều này đã làm cho kỳ thu tiền trung bình năm 2011 tăng lên so với năm 2010. Năm 2010 công ty cần 182,5 ngày thu hồi nợ, kỳ thu tiền của công ty là khá dài nhưng nó phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty vì đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty là thiết kế khảo sát xây dựng, san lấp mặt bằng các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng...mà việc khảo sát, san lấp các công trình thường kéo dài hàng tháng mới kết thúc hợp đồng nên kỳ thu tiền thường kéo dài, thì đến năm

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

2011 công ty lại cần 365 ngày mới thu được nợ. Đó là do công ty chưa có các chính sách nhằm thu hút khách hàng tiềm năng để tăng doanh thu trong bán hàng và cung cấp dịch vụ, mở rộng thị trường. Năm 2011 với sự biến động của đồng EURO đã làm ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế thế giới trong đó có Việt Nam, thị trường nhà đất đứng yên thậm chí sụt giảm, giá xăng dầu tăng cao..., trong khi đó các ngân hàng lại thắt chặt việc cho vay vốn nên không có nhiều công trình được xây dựng. Ngoài ra công ty cũng chưa giải quyết được vấn đề về nợ phải thu của khách hàng góp phần làm giảm các khoản phải thu và làm rút ngắn kỳ thu tiền trung bình.

+ Vòng quay vốn lưu động và số ngày một vòng quay vốn lưu động.

Số vòng quay vốn lưu động trong năm 2010 là 1,7 vòng tức là bình quân cứ 1 đồng vốn lưu động bỏ ra kinh doanh thì thu về được 1,7 đồng doanh thu thuần tương ứng với số ngày 1 vòng quay là 214,7 ngày. Đến năm 2011 thì cứ bỏ ra 1 đồng vốn lưu động thì thu được 1,26 đồng doanh thu thuần tương ứng với số ngày 1 vòng quay vốn lưu động là 289,69 ngày. So với năm 2010, số vòng quay của vốn lưu động năm 2011 giảm cụ thể là 1 đồng vốn lưu động bỏ ra giảm 0,44 đồng. Nguyên nhân của xu hướng này có thể là do trong năm 2011 vòng quay các khoản phải thu giảm xuống, chúng đã trực tiếp tác động làm vòng quay vốn lưu động cũng giảm theo. Từ sự phân tích ở trên trong các năm tiếp theo công ty cần đưa ra biện pháp cải thiện và có sự điều chỉnh hợp lý làm tăng hiệu quả sử dụng và tiết kiệm vốn lưu động.

+ Vòng quay toàn bộ vốn.

Vòng quay toàn bộ vốn trong năm 2011 là 0,61 vòng giảm 0,22 vòng so với năm 2010 chứng tỏ doanh thu thuần được sinh ra từ tài sản mà doanh nghiệp đã đầu tư giảm. Như vậy công ty vẫn chưa có các chính sách nhằm thu hút khách hàng, mở rộng thị trường kinh doanh. Do kỳ thu tiền trung bình tăng và vòng quay vốn lưu động giảm đã gây khó khăn cho công ty trong việc bảo toàn cũng như huy động nguồn vốn.

Một số giải pháp:

Về việc bảo toàn vốn: Công ty nên có chính sách bán hàng phù hợp không chỉ với tình hình của thị trường mà còn phù hợp với tình hình tài chính của công ty. Đặc biệt công ty nên chú ý tới chính sách bán hàng chịu vì khi đó các khoản phải thu của công ty sẽ tăng lên, lượng vốn lưu động bị ứ đọng. Điều này sẽ làm giảm khả năng

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty, đồng thời có nguy cơ dẫn đến các khoản nợ khó đòi, làm ảnh hưởng đến tài chính của công ty, nguồn vốn kinh doanh sẽ không được bảo toàn.

Về việc huy động vốn: Tùy theo điều kiện cụ thể của công ty mà các nhà quản lý đề ra các biện pháp huy động phù hợp. Hiện nay nguồn vốn dài hạn của công ty là vốn vay của ngân hàng và vốn góp. Tuy nhiên vẫn chưa thực sự đáp ứng đầy đủ nhu cầu kinh doanh của công ty. Công ty cần có một số giải pháp để nâng cao khả năng huy động vốn hơn nữa như: có các biện pháp thu hồi các khoản nợ một cách nhanh chóng, có chính sách bán hàng phù hợp, tăng doanh thu nhưng cũng cần đảm bảo các khoản nợ đọng là hợp lý, khuyến khích các đối tác cùng bỏ vốn đầu tư, đưa ra các chính sách tín dụng hợp lý.

➤ Các chỉ tiêu sinh lời

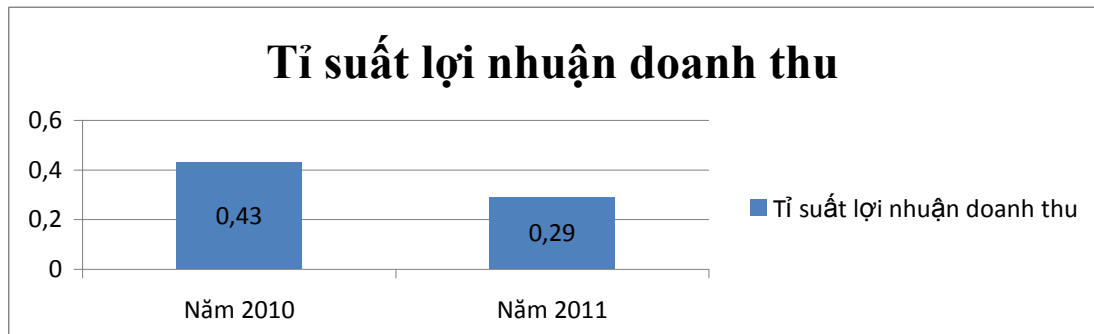
Bảng phân tích các chỉ tiêu sinh lời

Chỉ tiêu	Cách xác định	Năm 2010	Năm 2011	Chênh lệch
1. Tỷ suất lợi nhuận doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	0,43%	0,29%	(0,14)
	Doanh thu thuần			
2. Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn	Lợi nhuận sau thuế	0,08%	0,02%	(0,06)
	Vốn sản xuất kinh doanh bq			
3. Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế	0,11%	0,03%	(0,08)
	Vốn chủ sở hữu bình quân			

Đây là cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là đáp số sau cùng của hiệu quả kinh doanh và còn là một luận cứ quan trọng để hoạch định, đưa ra các quyết định tài chính trong tương lai. Trong năm 2011 các chỉ số sinh lời kém hơn năm 2010, cụ thể như sau:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

$$\begin{aligned} * \text{ Tỷ suất lợi nhuận doanh thu} &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \\ \text{Năm 2010} &= \frac{7.553.743 * 100}{1.765.642.455} = \mathbf{0,43\%} \\ \text{Năm 2011} &= \frac{2.801.123 * 100}{960.371.011} = \mathbf{0,29\%} \end{aligned}$$

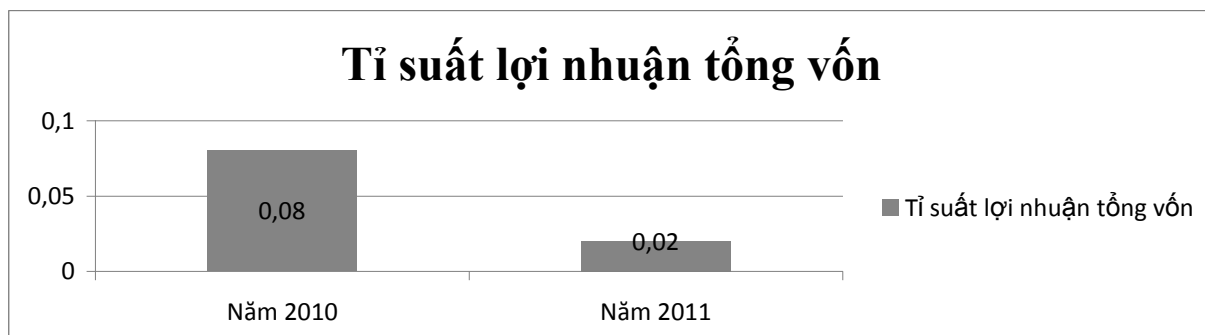


Tỷ suất lợi nhuận doanh thu của công ty phản ánh tính hiệu quả của quá trình hoạt động kinh doanh và lợi nhuận do doanh thu tiêu thụ sản phẩm đem lại.

Tỷ suất lợi nhuận doanh thu năm 2010 là 0,43%. Điều này cho thấy năm 2010 cứ 100đ doanh thu tham gia vào kinh doanh thì tạo ra được 0,43đ lợi nhuận sau thuế, đến năm 2011 cứ 100đ doanh thu tạo ra được 0,29đ lợi nhuận sau thuế. Năm 2010 có tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cao hơn 0,14% so với năm 2011 chứng tỏ năm 2010 doanh nghiệp hoạt động tốt và hiệu quả hơn năm 2011. Đây là một hạn chế của công ty trong việc tăng lợi nhuận sau thuế, tăng khả năng sinh lời của vốn kinh doanh. Do giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao làm chi phí sản xuất kinh doanh trong mảng xây dựng tăng lên làm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn. Công ty cần có những giải pháp khắc phục cụ thể trong những năm tiếp theo.

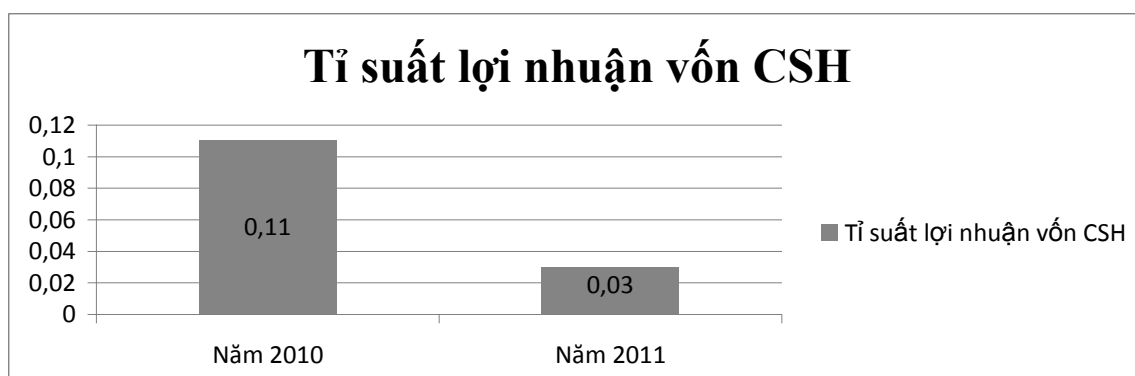
$$\begin{aligned} * \text{ Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn} &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn sản xuất kinh doanh BQ}} \\ \text{Năm 2010} &= \frac{7.553.743 * 100}{8.608.686.794} = \mathbf{0,08\%} \\ \text{Năm 2011} &= \frac{2.801.123 * 100}{1.788.673.397} = \mathbf{0,02\%} \end{aligned}$$

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường



Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn là sự kết hợp giữa chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận doanh thu và vòng quay toàn bộ vốn. Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn trong năm 2011 là 0,02% có nghĩa là cứ 100đ vốn bình quân được sử dụng trong kỳ tạo ra 0,02đ lợi nhuận sau thuế. So với năm 2010, cứ sử dụng 100đ vốn bình quân tạo ra 0,02đ lợi nhuận sau thuế. Như vậy chất lượng kinh doanh tính bằng lợi nhuận của doanh nghiệp giảm xuống khá nhiều.

$$* \text{Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu BQ}}$$
$$\text{Năm 2010} = \frac{7.553.743 * 100}{6.793.755.681} = \mathbf{0,11\%}$$
$$\text{Năm 2011} = \frac{2.801.123 * 100}{8.296.556.804} = \mathbf{0,02\%}$$



Về tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu, ta thấy lợi nhuận vốn chủ sở hữu năm 2011 giảm so với năm 2010 là 0,08%. Tuy nhiên trong 2 năm 2010, 2011 tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu đều lớn hơn lợi nhuận tổng vốn, điều đó chứng tỏ việc sử dụng vốn vay là có hiệu quả.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Qua bảng phân tích trên cho thấy nhìn chung tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp năm 2011 giảm so với năm 2010. Cho thấy doanh nghiệp có chú trọng đến việc sản xuất kinh doanh nhưng chưa hiệu quả. Sự giảm xuống tuy không nhiều nhưng cũng cho thấy được những hạn chế, khuyết điểm trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời kỳ khủng hoảng như năm 2011 vừa qua và doanh nghiệp cần cố gắng khắc phục trong các năm tiếp theo.

3.3 Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty

Trên đây ta đã phân tích từng nét chung, riêng của tình hình tài chính của công ty. Từ sự phân tích đó, phần nào thấy được mặt tích cực và hạn chế còn tồn tại. Đối với những mặt tích cực, công ty nên tiếp tục phát huy hơn nữa, còn những mặt còn hạn chế nên phân đầu tìm biện pháp khắc phục. Để tồn tại đã khó, để đứng vững càng khó hơn. Lúc này vấn đề của doanh nghiệp là khắc phục những khó khăn chủ quan phát sinh trong nội bộ doanh nghiệp. Những khó khăn này là cản trở trên con đường phát triển của doanh nghiệp.

Tóm lại: Nhìn vào bảng phân tích trang 72, quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là giảm xuống (thông qua số liệu doanh thu thuần, giá vốn).

Từ những thực trạng trên, cộng thêm sự hiểu biết về tình hình thực tế doanh nghiệp, em mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị với mong muốn đóng góp phần nhỏ bé vào sự phát triển chung của doanh nghiệp.

*/ Một vấn đề đáng quan tâm ở doanh nghiệp đó là tỉ lệ giá vốn với doanh thu thuần năm 2011 quá lớn. Câu hỏi đặt ra là vì sao doanh thu lớn mà giá vốn lại thấp như vậy?? Em nhận thấy do doanh nghiệp đã ghi nhận nhằm khoản ứng trước của khách hàng vào doanh thu bán hàng. Nên em có kiến nghị doanh nghiệp nên phản ánh khoản ứng trước của khách hàng vào tài khoản 3387- Doanh thu chưa thực hiện để khi công trình hoàn thành thì tiến hành phân bổ.

*/ Ngoài ra, công ty chỉ tính thuế TNDN vào cuối năm mà không tiến hành tạm tính cuối mỗi quý. **Đề xuất:** Tiến hành tạm tính thuế TNDN vào cuối mỗi quý.

Trong những mặt hạn chế của doanh nghiệp, có những vấn đề thuộc nguyên nhân khách quan mà mọi doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường đều gặp phải: sự cạnh tranh khốc liệt cả trong và ngoài nước khiến hoạt động kinh doanh ngày càng khó khăn, chính sách chế độ của Nhà nước trong các lĩnh vực, những thay đổi trong quan điểm của người tiêu dùng ... Những mặt khách

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

quan này đòi hỏi doanh nghiệp phải linh động, uyển chuyển để thích nghi và khắc phục, chính những điều đó sẽ giúp gạt bỏ những doanh nghiệp có khả năng thích nghi thì tồn tại, nếu không sẽ bị phá sản.

Nguyên nhân chủ quan chủ yếu là do doanh nghiệp nhận được ít công trình dẫn đến doanh thu bán hàng bị giảm sút, bên cạnh đó thì chi phí quản lý và chi phí tài chính lại tăng cao đột biến dẫn đến lợi nhuận của doanh nghiệp bị giảm xuống.

Giải pháp để làm giảm chi phí như sau:

- Quản lý chặt chẽ các chi phí gián tiếp, ban hành các quy chế, quy định cụ thể và chi tiết như các chế độ tiếp khách, đi công tác, sử dụng điện nước, văn phòng phẩm,... với chế độ nhà nước quy định phù hợp với điều kiện thực tế của công ty nhưng phải nằm trong giá thành kế hoạch đã được hoạch định. Những trường hợp vượt mức đều phải trừ vào các cá nhân đã sử dụng vượt mức đó.

- Giảm bớt chi phí quản lý kinh doanh một cách tối đa. Để quản lý chặt chẽ và giảm các khoản chi bất hợp lý công ty cần rà soát các khâu. Đặt ra các định mức chi tiêu đưa ra điều kiện xét duyệt cụ thể.

- Quản lý tiết kiệm lao động: Hợp lý hóa cơ cấu lao động cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh tiên tiến. Công ty nên chủ động trong việc thay đổi cơ cấu lao động để phù hợp với tình hình hiện tại. Giảm số lao động gián tiếp, hạn chế cho công nhân nghỉ để chờ việc, thay đổi và chuyển chuyên một cách hợp lý, kiện toàn bộ máy quản lý, thực hiện chính sách giảm biên chế. Đào tạo thêm thợ tay nghề cao, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên, tận dụng thời gian làm việc, đảm bảo thực hiện các định mức quy định.

- Tinh giảm bộ máy quản lý hành chính và cải tiến bộ máy quản lý phù hợp với sự phát triển của công ty.

- Giảm chi phí lãi vay phải trả: Công ty nên thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán cho các đối tác trả tiền nhanh nhưng đương nhiên mức chiết khấu phải nhỏ hơn lãi vay. Bổ sung vốn từ lợi nhuận để lại của công ty hay tăng khoản tạm ứng thi công của các chủ đầu tư

Ngoài ra, còn 1 số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD của công ty:

- Lập kế hoạch nguồn vốn lưu động:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

Hàng năm doanh nghiệp phải lập kế hoạch nguồn vốn lưu động để so sánh nguồn vốn hiện có với số vốn thường xuyên cần thiết tối thiểu để xem vốn lưu động thừa hay thiếu nhằm xử lý số thừa, tổ chức huy động nguồn đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh... Nếu thiếu phải tìm nguồn tài trợ, trước hết là nguồn bên trong (quỹ phát triển sản xuất kinh doanh...) rồi mới tới nguồn bên ngoài (vay ngân hàng, vay cá nhân..)

- Về tình hình công nợ và thanh toán:

Công nợ của công ty qua các năm còn tồn đọng gồm các khoản phải thu và phải trả. Công ty cần quản lý chặt chẽ và đôn đốc thanh toán đúng hạn.

+/ Đối với các khoản phải thu: Việc các khoản phải thu tăng có thể làm chậm tốc độ luân chuyển tài sản lưu động, nhưng đôi khi các khoản phải thu tăng cũng có lợi cho công ty, vì công ty đã có nhiều khách hàng, bán được nhiều sản phẩm làm tăng doanh thu lên. Tuy nhiên công ty cũng cần có một số biện pháp để có thể giảm bớt các khoản phải thu như: Khi ký hợp đồng với khách hàng, công ty nên đưa vào một số ràng buộc trong điều khoản thanh toán hoặc một số ưu đãi nếu khách hàng trả tiền sớm. Như vậy vừa giúp khách hàng sớm thanh toán nợ cho công ty lại vừa là hình thức khuyến mại giúp giữ chân khách hàng lại với công ty.

+/ Đối với khoản tạm ứng cho công nhân viên: công ty cần nhắc nhở công nhân viên làm tốt việc hoàn ứng sau mỗi đợt công tác hoặc mua vật tư, nếu chậm trễ sẽ cắt khen thưởng, cắt danh hiệu thu đua...

+/Đối với các khoản phải trả: theo dõi sát sao đối với từng khoản nợ ứng với từng chủ nợ, xác định khoản nào có thể chiếm dụng hợp lý, khoản nào đã đến hạn cần thanh toán nhằm nâng cao uy tín cho doanh nghiệp, tăng sự tin cậy của các bạn hàng. Công ty cần chú trọng thanh toán các khoản công nợ với ngân sách nhằm thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

- Trước khi thi công, nhận thầu các công trình phòng kinh doanh phải lập dự toán thực tế và chi tiết cho từng công trình theo tiến độ tổ chức thi công đã được duyệt đảm bảo không bị lỗ.

- Hàng năm phải lập kế hoạch giá thành toàn công ty hàng quý điều chỉnh giá thành đã lập so với giá thành thực tế sản xuất của công ty. Bộ máy công ty điều hành sản xuất và điều hành các chi phí theo kế hoạch đã lập này.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

- Tiến hành tập hợp chi phí tính giá thành theo từng công trình xây dựng. Trên cơ sở đó tiến hành 1 năm phân tích 2 lần các hoạt động sản xuất kinh doanh ở toàn công ty để biết được những hoạt động, chi phí sản xuất đúng hướng và chi kịp thời điều chỉnh cho chu kỳ sản xuất và các công trình dự án.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quản lý đảm bảo thông tin thông suốt, chính xác.

- Nâng cao trình độ, nghiệp vụ của các nhân viên quản lý.

- Tiết kiệm nguyên vật liệu: Phần lớn các nguyên liệu trong ngành xây dựng là sắt thép, gạch, xi măng... Trong giá thành công trình thì chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí sản xuất kinh doanh của công ty. Để tiết kiệm khoản mục này, công ty nên xây dựng kế hoạch sản xuất một cách chi tiết, thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu. Đặc biệt công ty cần phải theo dõi thường xuyên tình hình giá cả nguyên vật liệu trên thị trường thế giới và trong nước để dự đoán sự tăng giảm giá cả trong tương lai, từ đó có kế hoạch mua nguyên vật liệu một cách hợp lý tránh trường hợp phải mua với giá quá cao hoặc phải chậm tiến độ thi công để đợi nguyên vật liệu trong khi hầu hết các nguồn vốn để xây dựng các công trình đều là vốn vay các ngân hàng nếu thời gian xây dựng các công trình quá lâu thì chi phí lãi vay phải trả quá lớn sẽ làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Tạo cho người lao động những điều kiện thuận lợi nhất để làm việc. Điều này liên quan đến các vấn đề cải tiến những điều kiện vệ sinh lao động nơi làm việc...

- Thường xuyên nâng cấp bảo dưỡng thiết bị máy móc tài sản sử dụng. Xác định chế độ hao mòn thích hợp cho những tài sản đưa vào sử dụng để bảo toàn vốn và kết chuyển đầy đủ vào chi phí một cách phù hợp. Mặt khác nâng cấp công nghệ thiết bị phải phù hợp với khả năng tài chính công ty.

► Như vậy công ty sẽ cắt giảm được khoản lớn chi phí :

Chi phí vốn: Vốn quay vòng luôn luôn sẵn sàng không bị ứ đọng dưới dạng hàng tồn dự trữ.

Kiểm tra giám sát chặt chẽ tình hình tài chính, công nợ của công ty. Xem xét lại cơ cấu vốn, cách thức sử dụng vốn của công ty để thấy được hoạt động của

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Cường

vốn và chủ động tìm giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng trang trải cho nhu cầu với chi phí thấp nhất. Thu hồi vốn đảm bảo đủ phục vụ kinh doanh, cũng như công ty không nên kéo dài các khoản thanh toán.

► Công ty sẽ kiểm soát được tài chính và có kế hoạch sử dụng tốt hơn:

Tập trung vốn cho các hoạt động chủ lực

Cân đối lại công nợ để đảm bảo vốn hoạt động công ty không bị chiếm dụng quá lớn vừa làm giảm khả năng thanh toán cũng như mất đi hiệu quả sinh lời của vốn.

-Chọn lọc những nhân viên cho cán bộ phân tích phải có trình độ cơ bản về tài chính có kinh nghiệm thâm niên trong công tác tài chính của công ty, do công việc phân tích của nhân viên tài chính là vô cùng quan trọng vì các đề xuất của họ hỗ trợ công ty trong việc đưa ra các quyết định tài chính. Không ngừng đào tạo các cán bộ chuyên trách, kịp thời tiếp nhận những thay đổi trong chính sách chuẩn mực kế toán, bổ sung kiến thức pháp luật.

KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây, hệ thống những quy định liên quan đến Báo cáo tài chính của Việt Nam không ngừng được thay đổi cho phù hợp với điều kiện mới và cho phù hợp với chuẩn mực kế toán quốc tế. Vai trò cung cấp thông tin trên Báo cáo tài chính không ngừng được nâng cao. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân theo đúng chuẩn mực nhằm cung cấp thông tin trung thực hợp lý cho các đối tượng quan tâm. Hơn thế nữa, thông qua các kết quả phân tích tình hình tài chính, có thể đưa ra các dự báo về kinh tế, các quyết định về tài chính trong ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và từ đó đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

Công ty TNHH Sơn Cường nhận thức rõ vai trò của việc lập và phân tích Báo cáo tài chính nói chung và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng nên đã không ngừng cải thiện công tác này để đáp ứng nhu cầu về cung cấp thông tin kế toán hữu ích, kịp thời cho các đối tượng quan tâm đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vì thời gian thực tập có hạn nên việc tìm hiểu công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Khoá luận ngoài việc đánh giá ưu điểm của công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh còn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác này

Em xin chân thành cảm ơn CN.GVC Nguyễn Văn Vĩnh đã tận tình hướng dẫn, cùng phòng Tài chính- Kế toán tại công ty CP TNHH Sơn Cường đã giúp đỡ, chỉ bảo em hoàn thành bài khoá luận này.

Sinh viên

Hoàng Thị Huyền Trang

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- **Giáo trình phân tích báo cáo tài chính** của trường ĐH kinh tế Quốc dân- do PGS.TS. Nguyễn Năng Phúc-trưởng bộ môn Phân tích hoạt động kinh doanh chủ biên.

- **Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh** do PGS.TS. Phạm Thị Gái và tập thể cán bộ giảng dạy của khoa kế toán trường Đại học kinh tế Quốc dân biên soạn.

- **Chế độ kế toán doanh nghiệp** ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- **Chuẩn mực kế toán số 21** Ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Trang web: [www. Chuanmucketoanvietnam.com](http://www.Chuanmucketoanvietnam.com)

Và một số tài liệu, sổ sách do công ty TNHH Sơn Cường cung cấp.